



NHỰA BÌNH MINH®

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2015



NỀN TẢNG VỮNG VÀNG
sẵn sàng hội nhập





TÂM NHÌN

DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU CỦA NGÀNH NHỰA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM. CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC, SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ.

SỨ MỆNH

CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA THỊ TRƯỜNG. BẢO ĐẢM HÀI HÒA CÁC LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG, CỔ ĐÔNG VÀ XÃ HỘI.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỒNG THUẬN CAO, TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ, VỮNG VÀNG HIỆN TẠI, TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI.



TỔNG DOANH THU
2.970 TỶ,
TĂNG 18,8%,
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
665 TỶ,
TĂNG 38,3% VÀ
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU
11.410,
TĂNG 32,7%
SO VỚI NĂM 2014.

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Với chiến lược phát triển đúng hướng của Hội đồng Quản trị, sự nỗ lực cao và tận dụng được các yếu tố thuận lợi của Ban Tổng giám đốc đã giúp Nhựa Bình Minh hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2015:

Tổng doanh thu 2.970 tỷ, tăng 18,8%, lợi nhuận trước thuế 665 tỷ, tăng 38,3% và lãi cơ bản trên cổ phiếu 11.410, tăng 32,7% so với năm 2014.

Năm 2015, kinh tế đất nước trên đà phục hồi, dự báo của Chính phủ về tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam cả năm là 6,68%, cao nhất trong 8 năm trở lại đây. Bất động sản dần tan băng, lạm phát thấp, đầu tư công tăng. Nắm bắt thời cơ, Nhựa Bình Minh đã đẩy nhanh tốc độ, tăng quy mô xây dựng Nhà máy Bình Minh Long An nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ trên thị trường. Mặt khác, việc thực hiện các cam kết và các giải pháp về quản trị bền vững như chăm lo phát triển nguồn lực, hoàn thiện thể chế nội bộ, đầu tư vào công nghệ cao, chăm lo cải thiện môi trường làm việc... trong những năm qua đang phát huy hiệu quả tích cực.

Bước vào năm 2016, những lợi thế của 2015 có thể vẫn hiện hữu, nhưng khó tạo được sự đột biến bất ngờ. Mặc dù vậy, Hội đồng Quản trị tin tưởng vào sự ổn định và tiếp tục cải cách các thể chế, chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, sự quyết tâm của các doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực và sự yên tâm đầu tư, sinh sống của người dân trên cả nước sẽ là những yếu tố tích cực giúp bức tranh kinh tế Việt Nam khởi sắc hơn nữa. Qua đó, Nhựa Bình Minh với sự nỗ lực, đoàn kết, nền tảng văn hóa riêng và một thương hiệu nổi tiếng toàn quốc, chắc chắn sẽ tiếp tục **chứng tỏ sức bền và khẳng định thế vững** của mình.

Tôi xin cảm ơn sự tin cậy và ủng hộ của toàn thể cổ đông vào định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị và những bước đi linh hoạt, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm qua của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ công nhân viên Công ty. Chúng tôi sẽ tiếp tục mang lại hiệu quả cho cổ đông, đời sống sung túc cho người lao động, sản phẩm chất lượng cho khách hàng, đóng góp cao cho cộng đồng trên nền tảng không ngừng cải tiến và cấu trúc toàn diện Công ty.

Xin kính chúc toàn thể cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Quang Doanh

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	09
II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	37
III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	59
IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY	67
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	85
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	86
VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	129

ĐỊNH NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT:

CBCNV:	Cán bộ công nhân viên	DPC:	Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông	SCIC:	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
HĐQT:	Hội đồng Quản trị	TPHCM:	Thành phố Hồ Chí Minh
HĐTV:	Hội đồng Thành viên	TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp
BKS:	Ban Kiểm soát	ERP:	Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp
BMP:	Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh	ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn		
MTV:	Một thành viên		
NBM:	Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc		





THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

NHỰA BÌNH MINH NỔ LỰC, ĐOÀN KẾT
CHỨNG TỎ SỨC BỀN
KHẮNG ĐỊNH THẾ VỮNG

- 10 | THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- 12 | QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY
- 16 | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG
- 20 | THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 34 | ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 35 | CÁC RỦI RO VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Tên tiếng Anh:
BINH MINH PLASTICS JOINT-STOCK COMPANY

Tên viết tắt :
BM PLASCO

Giấy chứng nhận ĐKKD và mã số thuế:
0301464823

Vốn điều lệ:
454.784.800.000 đồng

Địa chỉ trụ sở :
240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

Điện thoại :
(84-28) 39 690 973

Fax :
(84-28) 39 606 814

Website :
www.binhminhplastic.com.vn

Mã cổ phiếu :
BMP





2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

2.1 Các mốc thời gian và sự kiện đáng nhớ

Năm 1977

NHÀ MÁY CÔNG TƯ HỢP DOANH NHỰA BÌNH MINH được thành lập ngày 16/11/1977 theo mô hình công tư hợp doanh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.

Năm 1986

Nhựa Bình Minh được lựa chọn sản xuất ống nhựa uPVC phục vụ chương trình nước sạch nông thôn của Unicef cho thị trường toàn quốc, đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, chủ yếu là ống nhựa và phụ kiện ống nhựa.

Năm 1990

Đổi tên thành XÍ NGHIỆP KHOA HỌC SẢN XUẤT NHỰA BÌNH MINH, là đơn vị Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam.

Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.

Năm 1994

Đổi tên thành CÔNG TY NHỰA BÌNH MINH, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Doanh nghiệp đầu tiên trong cả nước ứng dụng công nghệ tiên tiến Dry Blend để sản xuất ống nhựa uPVC đến đường kính 400mm trực tiếp từ nguyên liệu compound.

Năm 1999

Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m² tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước Châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.



Năm 2000

Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.

Năm 2002

Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.

Hoàn tất đầu tư kho bãi mở, rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000m².

Năm 2004

Sau cổ phần hóa, Công ty chính thức hoạt động dưới tên gọi CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH từ ngày 02/01/2004.

Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m².

Năm 2006

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn HOSE với mã chứng khoán BMP.



Năm 2007

Ngày 21/12/2007: Khánh thành Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên, thương hiệu Nhựa Bình Minh chính thức tham gia chinh phục thị trường phía Bắc.

Năm 2008:

Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển mạnh thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao Nguyên.

Năm 2009

Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.

Sản xuất ống uPVC đường kính đến 630mm.

Năm 2010

Là Doanh nghiệp đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200mm lớn nhất Việt Nam tại NBM.

Ký hợp đồng thuê hơn 155.000 m² đất tại Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc 2 - Bến Lức - tỉnh Long An cho dự án xây dựng Nhà máy Bình Minh Long An.

Năm 2011

Tham gia góp 26% vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt. Mục đích nhằm chuyển đổi công năng khu đất tại trụ sở chính Công ty khi có chủ trương di dời của Nhà nước.

Năm 2012

Áp dụng Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001.

Triển khai dự án công nghệ thông tin "Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) - Oracle E-Business Suite".

Năm 2013

Chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.

Tăng vốn điều lệ lên 454.784.800.000 đồng.



Năm 2014

Khởi công xây dựng Nhà máy mới tại Long An.

Áp dụng chính thức (Go-live) hệ thống ERP tại Công ty.



Năm 2015

Ngày 18/11/2015 Khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An.

Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các Chi nhánh và Công ty con.

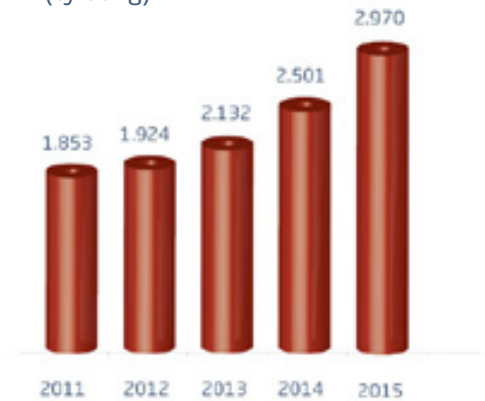


2.2. Thông tin tài chính cơ bản từ 2011 - 2015

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2011	2012	2013	2014	2015
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		Tỷ đồng				
Doanh thu	"	1.853	1.924	2.132	2.501	2.970
Doanh thu thuần	"	1.826	1.891	2.088	2.416	2.792
Lợi nhuận gộp	"	471	589	622	669	890
Chi phí hoạt động	"	94	124	136	197	222
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	"	377	465	486	472	668
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	"	5,8	7,9	13,0	6,8	(1,2)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	"	1,6	2,0	0,6	1,3	(2,0)
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	"	-	4,4	(0,5)	0,8	0,5
Lợi nhuận trước thuế	"	384	479	499	481	665
Lợi nhuận sau thuế	"	295	361	371	377	519
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Tỷ đồng				
Tổng tài sản	"	1.166	1.423	1.681	1.929	2.438
Vốn điều lệ	"	350	350	455	455	455
Vốn chủ sở hữu	"	1.049	1.274	1.489	1.718	2.015
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU		%				
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	"	27,4%	27,8%	23,9%	20,9%	23,8%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	"	31,0%	31,0%	26,8%	23,5%	27,8%
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH CUỐI KỲ	Cổ phiếu	34.983.552	34.983.552	45.478.480	45.478.480	45.478.480
CHỈ TIÊU CHO MỘT ĐƠN VỊ CỔ PHIẾU		Đồng				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	8.419	10.306	8.134	8.285	11.410
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	"	29.120	35.567	32.103	37.159	43.699
Cổ tức	"	3.000	4.000	3.000	3.500	2.000 (*)
Giá thị trường thời điểm cuối năm	"	35.000	44.500	70.000	73.000	131.000

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán BMP 2011-2015
(*) cổ tức tạm tính theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2015

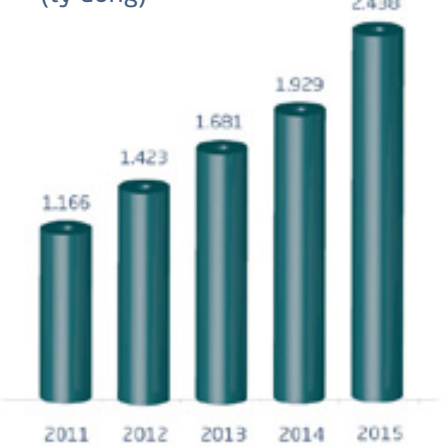
DOANH THU
(tỷ đồng)



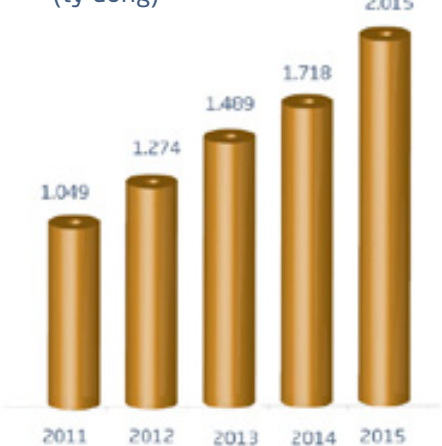
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(tỷ đồng)



TỔNG TÀI SẢN
(tỷ đồng)



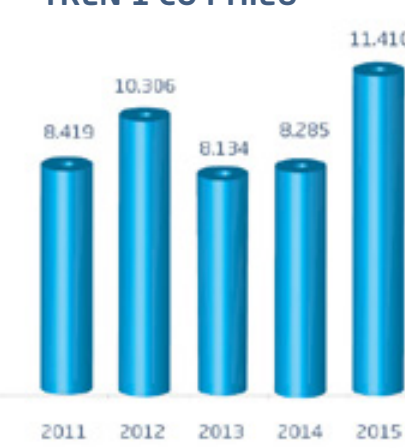
VỐN CHỦ SỞ HỮU
(tỷ đồng)



GIÁ TRỊ SỔ SÁCH
1 CỔ PHIẾU



LÃI CƠ BẢN
TRÊN 1 CỔ PHIẾU



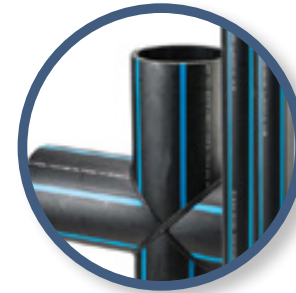
3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Ngành nghề kinh doanh:

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ kiện ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.



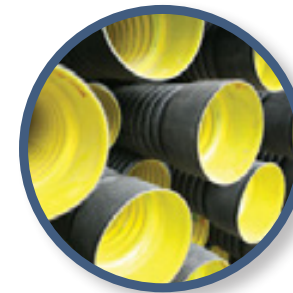
Ống và phụ tùng uPVC đường kính từ 21mm đến 630mm, dùng trong các ngành cấp thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, xây dựng và dân dụng.



Ống và phụ tùng HDPE đường kính từ 16mm đến 1.200mm, dùng trong các ngành cấp thoát nước, điện lực, xây dựng và dân dụng, đặc biệt cho các vùng nước phèn và nước mặn.



Ống và phụ tùng PP-R đường kính từ 20mm đến 160mm, dùng cho nước nóng và nước lạnh, chịu áp lực cao.



Ống gân HDPE thành đôi và phụ tùng đường kính từ 110mm đến 500mm, đặc biệt dùng trong ngành thoát nước hạ tầng, điện lực.



Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít.

Địa bàn kinh doanh:

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh trong cả nước.

Các nhà máy sản xuất: Hiện nay Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại TP. HCM, tỉnh Bình Dương, Long An và Hưng Yên đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước.

Hệ thống phân phối sản phẩm: Nhựa Bình Minh áp dụng mô hình bán hàng thông qua cửa hàng. Hệ thống cửa hàng của Công ty bao gồm cửa hàng chính và cửa hàng chi nhánh. Hiện nay Công ty có tổng số gần 1.500 cửa hàng rộng khắp trên cả nước đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng ...

NHÀ MÁY BÌNH DƯƠNG**NHÀ MÁY LONG AN****NHÀ MÁY TP. HỒ CHÍ MINH****NHÀ MÁY MIỀN BẮC**

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

a. Mô hình quản trị

Công ty áp dụng mô hình quản trị Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.

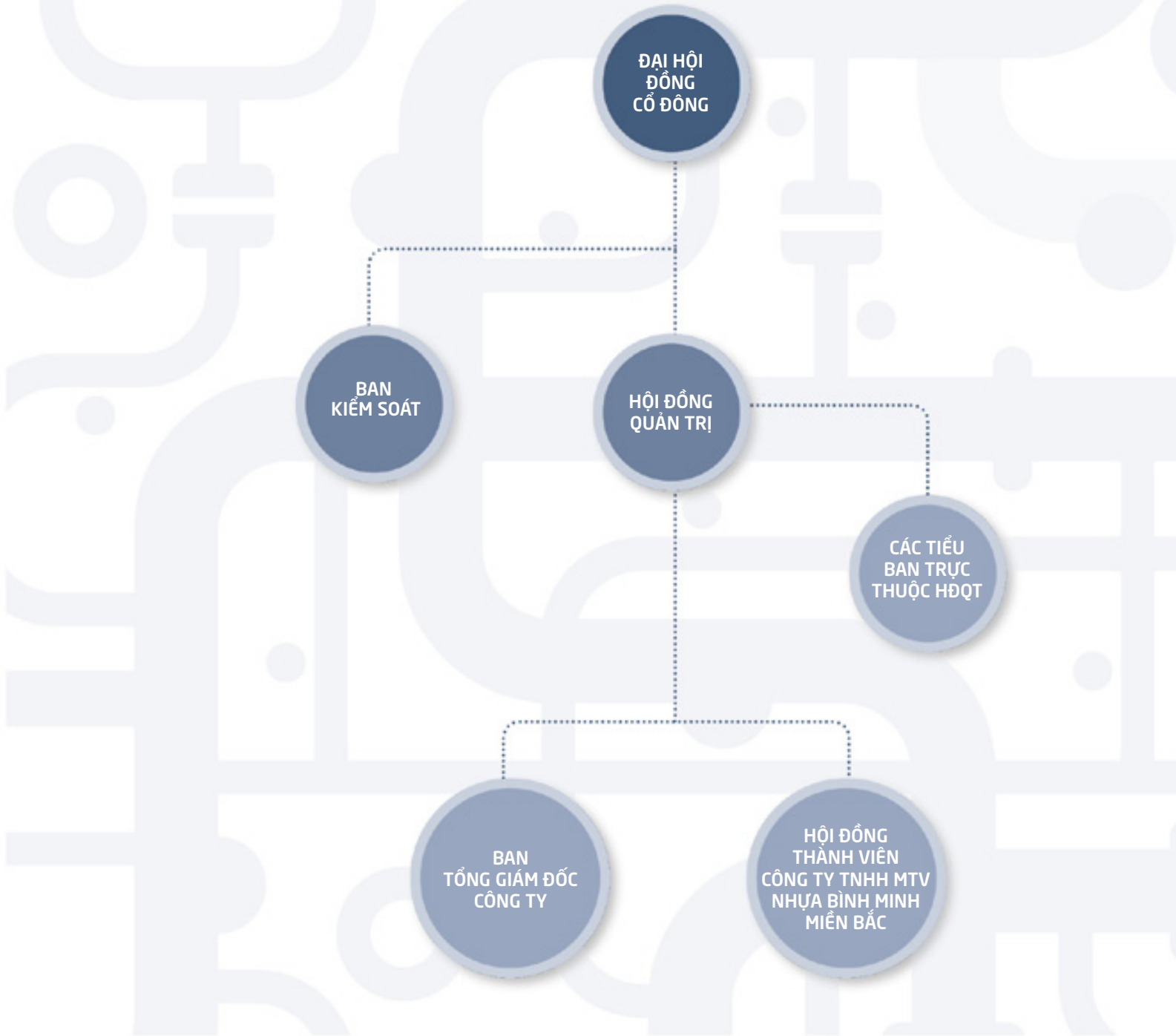
Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Ban

Tổng Giám đốc và Hội đồng Thành viên các công ty con, cử người tham gia quản trị tại các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị có các tiểu ban giúp việc. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung về hiệu quả hoạt động của các công ty con.

Các công ty con, công ty liên kết

LOẠI HÌNH	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN GÓP CỦA CÔNG TY
Công ty con	1. Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc	Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	100%
Công ty liên kết	1. Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt	Số 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM	26%
	2. Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	29%

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TẠI CÔNG TY





Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc (NBM)

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006 tại đường D1 khu D Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. Công ty chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa uPVC, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. NBM được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000m², năng lực sản xuất 20.000 tấn/năm.



Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt

Công ty được thành lập năm 2011 với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Tuy nhiên do tình hình đầu tư kinh doanh bất động sản không thuận lợi nên dự án vẫn đang dừng lại ở bước tiếp tục hoàn thiện các thủ tục cấp phép đầu tư, phê duyệt quy hoạch. Toàn bộ công việc này đang do đối tác của BMP là Vietcomreal thực hiện theo trình tự đầu tư.



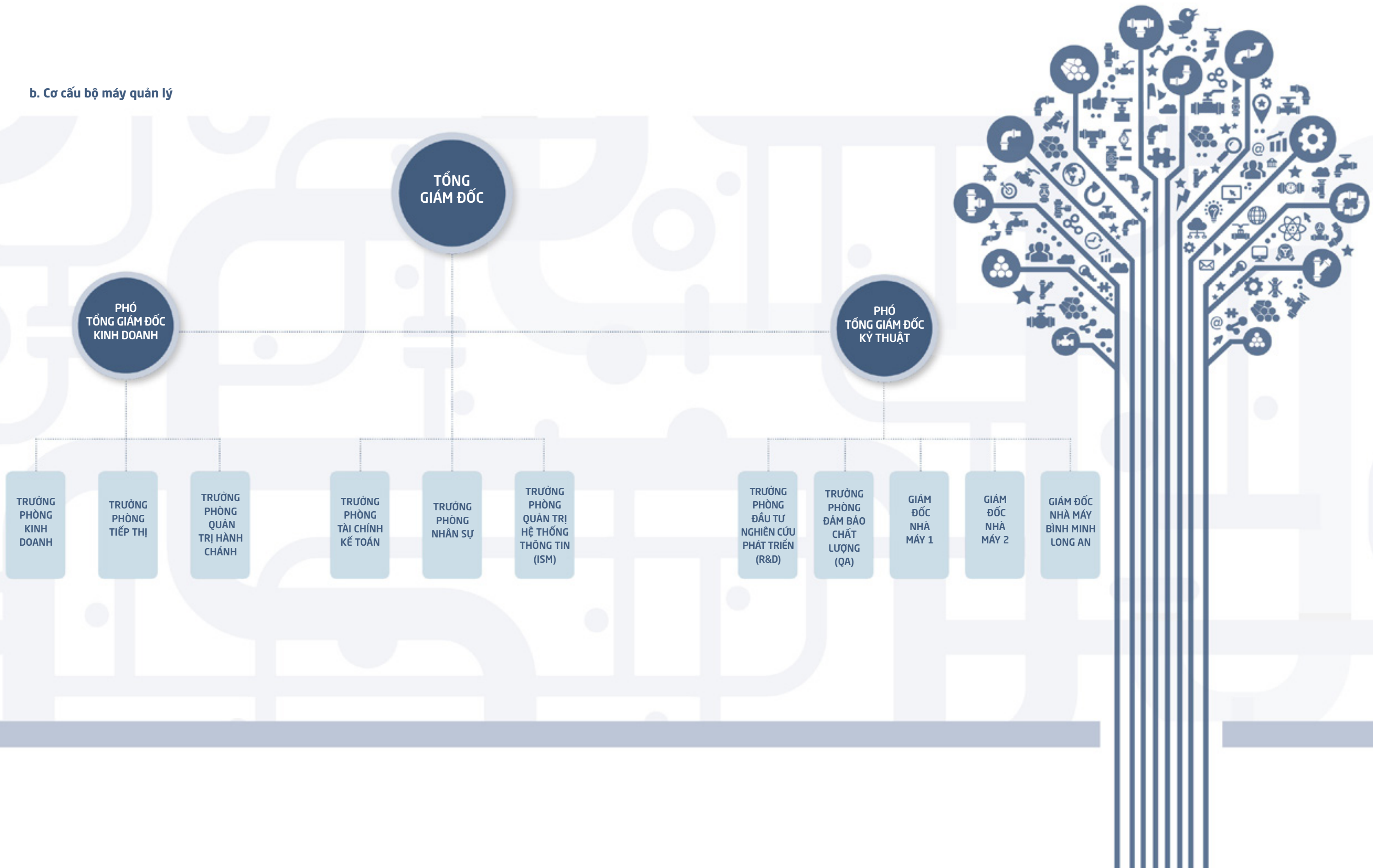
Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC)

Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng (mã cổ phiếu DPC) được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và Nhà máy sản xuất tại 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa uPVC, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC.

Hiện nay DPC là tổng kho của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Cao nguyên.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1

Ông LÊ QUANG DOANH **Chủ tịch HĐQT (thành viên** **không điều hành)**

Năm sinh : 1952
Trình độ : Kỹ sư Cơ khí

Ông Lê Quang Doanh là một nhà quản lý kỳ cựu với gần 40 năm công tác gắn bó tại Công ty. Ông gia nhập

Nhựa Bình Minh từ năm 1979 với chức vụ Phó Quản đốc xưởng sau đó làm Phó Giám đốc Công ty. Đến năm 1996, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty. Sau khi Công ty cổ phần hóa thành công, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc từ năm 2004 đến năm 2012. Từ tháng 11/2012 đến nay, ông đã chuyển giao chức vụ Tổng Giám đốc cho người kế nhiệm và tập trung cho công tác quản trị với vai trò Chủ tịch HĐQT Công ty.

Quá trình công tác:

- Trước 1979: Tổ trưởng sản xuất Nhà máy Sắt tráng men nhôm Hải Phòng.
- 1979: Phó Quản đốc xưởng Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1987: Phó Giám đốc Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1996: Giám đốc Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004 đến tháng 11/2012: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP.
- 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT BMP.



2

Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN **Phó Chủ tịch HĐQT -** **Tổng Giám đốc**

Năm sinh : 1962
Trình độ : Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị

Sau khi tốt nghiệp Đại học Bách khoa TP. HCM, ông tham gia quân ngũ. Năm 1988 ông vào làm nhân viên kỹ thuật của

Công ty. Trải qua các chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, đến cuối năm 2012 ông đảm nhận trọng trách Tổng Giám đốc Công ty. Ông là người am hiểu về kỹ thuật ngành nhựa tại Việt Nam, đã đồng hành cùng Nhựa Bình Minh trong suốt quá trình chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, đầu tư thiết bị công nghệ, phát triển mở rộng sản xuất của Công ty như hiện nay.

Quá trình công tác:

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật BMP.
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật BMP.
- 1997: Phó Giám đốc BMP.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM.
- 2010-2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc NBM; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP.

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



3

Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN
Thành viên HĐQT -
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh -
Chủ tịch HĐQTV NBM

Năm sinh : 1960
Trình độ : Cử nhân Kinh tế
công nghiệp, Cử nhân Quản trị
kinh doanh

Bà là một trong những nữ cán bộ chủ chốt và lâu năm nhất của Nhựa Bình Minh. Bà tham gia công tác tại Nhựa Bình Minh từ đầu những năm 80 và liên tục công tác từ đó đến nay, kinh qua các chức vụ Phó phòng, rồi Trưởng phòng Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc kinh doanh. Bà đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển hệ thống của hàng bán sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu của Nhựa Bình Minh đạt được thành tựu như ngày hôm nay.

Quá trình công tác:

- 1981: Nhân viên thống kê BMP.
- 1988: Phó Phòng Kế hoạch - Cung tiêu BMP.
- 1998: Trưởng phòng Kinh doanh BMP.
- 2006- 2014: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc.
- 2014 đến nay: Thành viên HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQTV NBM.



4

Bà NGUYỄN HỒNG MINH
Thành viên HĐQT (thành viên
không điều hành)

Năm sinh : 1978
Trình độ : Cử nhân Kinh tế, Cử
nhân ngoại ngữ, Thạc sĩ Quản trị
kinh doanh, Thạc sĩ Quản lý

Quá trình công tác:

- Từ 2004 : Nhân viên Công ty TNHH Bảo hiểm quốc tế AIA.
- Từ 2006 : Chuyên viên Ban Đầu tư 3 tại SCIC.
- 2012 đến nay: Thành viên HĐQT BMP; Chuyên viên Ban Đầu tư 3 tại SCIC.

5

**Ông SUCHAI
ASVATHAVORNVANIT**
Thành viên HĐQT (thành viên
không điều hành)

Năm sinh : 1957
Quốc tịch: Thái Lan
Trình độ : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- 1995: Tổng Giám đốc Công ty Thái MFC Co.,Ltd.
- 1998: Phó Tổng Giám đốc Công ty Siam Mitsui PTA Co., Ltd và Thai Pet Resin Co., Ltd.
- 2010: Tổng Giám đốc Công ty Rayong Olefins Co., Ltd.
- 2012: Tổng Giám đốc Thai Plastic and Chemicals PCL.
- 2013 đến nay: Tổng Giám đốc Thai Plastic and Chemicals PCL - Thành viên HĐQT BMP.



GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

BKS nhiệm kỳ 2013 – 2018 do ĐHĐCĐ của Công ty bầu ra gồm 3 thành viên:



1 Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ Trưởng Ban

Năm sinh : 1963
Trình độ : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1982: Nhân viên phòng Cung tiêu Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1999: Phó phòng Kinh doanh BMP.
- 2004: Thành viên BKS - Phó phòng Kinh doanh BMP.
- 2008: Trưởng BKS - Phó phòng Kinh doanh BMP.
- 2010 đến 2013: Trưởng BKS - Trưởng phòng Tiếp thị BMP.
- 2013 đến nay: Trưởng BKS - Trưởng Phòng Kinh doanh BMP.



2 Bà NGUYỄN LƯU THÙY MINH Thành viên

Năm sinh : 1983
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ : Cử nhân Kế toán,
Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

- 2006: Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS BMP.

3 Bà NGUYỄN THỊ THẨM Thành viên

Năm sinh : 1985
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2007: Chuyên viên Kiểm toán - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- 2010 -2013: Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS BMP, Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC.



GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1

Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN
Tổng Giám đốc

(Xem lý lịch trích ngang ở phần giới thiệu HĐQT)



3

Ông NGUYỄN THANH QUAN
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Năm sinh : 1968

Trình độ : Kỹ sư Hóa, Thạc sĩ

Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật BMP.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật BMP.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 BMP.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật BMP.

4

Ông HỒNG LÊ VIỆT
Kế toán trưởng

Năm sinh : 1966

Trình độ : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán BMP.
- 2002: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP.
- 2006: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM - Thành viên HĐQT NBM.
- 2012: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM - Thành viên HĐQT NBM; Trưởng BKS DPC
- 2014 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP - Thành viên HĐQT NBM.



2

Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

(Xem lý lịch trích ngang ở phần giới thiệu HĐQT)



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Năm 2015 đánh dấu một cột mốc rất quan trọng với tiến trình hội nhập khu vực và toàn cầu của Việt Nam, Công ty cũng đã quyết định mở rộng “TẦM NHÌN” và đánh giá lại “GIÁ TRỊ CỐT LÕI” để khẳng định vị thế và sẵn sàng cho môi trường cạnh tranh mới thách thức và rộng mở hơn.

Định hướng chiến lược về sản phẩm :

ĐỒNG BỘ SẢN PHẨM - ĐA DẠNG ỨNG DỤNG.

Định hướng chiến lược về chất lượng:

CHẤT LƯỢNG HOÀN HẢO - CHUẨN MỰC QUỐC TẾ.

Định hướng chiến lược kinh doanh:

THỐNG NHẤT THỊ TRƯỜNG - LINH HOẠT CHÍNH SÁCH.

Định hướng phát triển thị trường:

TẬP TRUNG NỘI ĐỊA - ĐỊNH HƯỚNG XUẤT KHẨU.

Định hướng chiến lược phát triển thương hiệu và truyền thông:

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA - HƯỚNG RA KHU VỰC.

Định hướng chiến lược đầu tư :

THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG.

Định hướng về tổ chức và mô hình quản trị:

QUY MÔ PHÙ HỢP - QUẢN TRỊ TIỀN TIẾN.

Định hướng về chiến lược quản trị tài chính:

MINH BẠCH THÔNG TIN - NGĂN NGỪA RỦI RO.

Định hướng về hội nhập và cạnh tranh quốc tế:

CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG - HỢP TÁC PHÁT TRIỂN.

Định hướng về hoạt động môi trường, xã hội và cộng đồng:

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - CHIA SẺ CỘNG ĐỒNG.

Định hướng văn hóa công ty:

ĐỒNG THUẬN - CẦN TRỌNG - SÁNG TẠO - TIỀN PHONG.

Định hướng về phát triển bền vững:

HÀI HÒA LỢI ÍCH - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

6. CÁC RỦI RO VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ

Trong hoạt động của doanh nghiệp luôn phải đối đầu với rất nhiều các yếu tố rủi ro, kể cả khách quan và chủ quan, chính vì vậy quản trị rủi ro luôn được coi là một trong những trọng tâm quản trị của Công ty và cần thiết phải xây dựng một chiến lược quản trị rủi ro toàn diện và lâu dài.

Từ thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, Nhựa Bình Minh đánh giá một số yếu tố rủi ro chủ yếu có tác động mạnh đến hoạt động của Công ty như sau:

LOẠI RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ
Rủi ro nợ: Đây là một yếu tố phụ thuộc chủ yếu vào năng lực tài chính của khách hàng nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro lớn cho Công ty. Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt đòi hỏi sự linh hoạt trong chính sách nợ để bán được hàng, rủi ro về tình trạng nợ kéo dài và khó thu hồi luôn là một rủi ro lớn và phải được ưu tiên kiểm soát trong quản trị Công ty.	Công ty áp dụng chính sách thế chấp tài sản và xác định hạn mức nợ trên giá trị tài sản thế chấp của khách hàng. Thường xuyên kiểm tra đối chiếu công nợ của khách hàng. Hiện tại các biện pháp hạn chế rủi ro nợ khá hiệu quả.
Rủi ro môi trường pháp lý và thay đổi của chính sách: Môi trường kinh doanh Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy định pháp lý và thường xuyên có những điều chỉnh chính sách cả vĩ mô lẫn vi mô. Rủi ro về những thay đổi đột ngột và không đoán định trước được về chính sách luôn làm cho doanh nghiệp lo ngại, thiếu niềm tin vào môi trường kinh doanh và thiếu mạnh dạn trong mở rộng và phát triển hoạt động doanh nghiệp.	Tổ chức hệ thống cập nhật các thay đổi chính sách thường xuyên, tham gia đào tạo và triển khai thực hiện các chính sách theo đúng quy định. Sử dụng các dịch vụ pháp lý trong các hoạt động liên quan đến chính sách, pháp lý của Công ty.
Rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô và thị trường: Trong một vài năm gần đây, kinh tế vĩ mô thể hiện khá nhiều bất ổn do chịu tác động chung của kinh tế thế giới và các yếu tố nội tại. Đặc biệt, những thay đổi đó tạo ra những tác động xấu đến thị trường bất động sản, địa ốc, xây dựng, phát triển hạ tầng là những lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của Công ty.	Công ty thường xuyên cập nhật thông tin kinh tế chính trị một cách toàn diện, tiến hành họp xem xét của lãnh đạo định kỳ để đánh giá tình hình và đề ra giải pháp phù hợp. Luôn cần trọng trong các quyết định chiến lược kinh doanh và đầu tư của mình.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỰA BÌNH MINH VẪN LÀ
MỘT TRONG NHỮNG DOANH
NGHIỆP CÓ HIỆU QUẢ NHẤT
VÀ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

38 | CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC - CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM

42 | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2015

46 | TỔ CHỨC NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY

47 | TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

50 | TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

56 | KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC VÀ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM

CHƯƠNG TRÌNH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

DANH HIỆU HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 20 NĂM LIÊN TỤC
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN 2015

GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2015

DOANH NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH TIÊU BIỂU 2015

TOP 500
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM 2015

TOP 500
DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM (FAST 500)

CÔNG TY HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT
TRONG NGÀNH NHỰA & CAO SU 2015

TOP 1000
DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN
NGHĨA VỤ THUẾ NHIỀU NHẤT VIỆT NAM 2015

TOP 20
DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2015

TOP 50
CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM

CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ 2015

CỜ THI ĐUA CỦA TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM 2015

CỜ THI ĐUA CỦA LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TP.HCM 2015

BẰNG KHEN UBND THÀNH PHỐ, UBND QUẬN 6

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM



Ngày 18/11/2015

Khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An, trị giá đầu tư hơn 144 tỷ, với tổng diện tích xây dựng là 32.400 m², thiết bị đạt công suất 5.000 tấn sản phẩm phụ tùng /năm.

Ngày 09 - 12/12/2015

Ngày 09 - 12/12/2015: Tổ chức Hội nghị khối khách hàng dự án tại Thái Lan với gần 200 khách hàng đại diện cho các đơn vị cấp thoát nước, nhà thầu xây dựng và chủ đầu tư các công trình lớn trong cả nước.



Tháng 10/2015

Trong năm đã tổ chức nhiều hoạt động đào tạo, hội thảo cho khách hàng.

Tháng 11/2015

Phối hợp với cơ quan chức năng triệt phá một tổ chức sản xuất ống nhựa giả nhãn hiệu Nhựa Bình Minh quy mô lớn tại Tp.HCM.



1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2015

Nhựa Bình Minh đã có một năm đạt được toàn bộ những chỉ tiêu kế hoạch tốt, doanh thu 2.970 tỷ, lợi nhuận trước thuế 665 tỷ. Có một số biến động đáng lưu ý đã diễn ra trong năm như sau:

- Giá nguyên liệu từ quý 2 bắt đầu giảm, tuy cách biệt không lớn nhưng đều đặn đến cuối năm, tác động mạnh mẽ đến hiệu quả kinh doanh do giá bán không thay đổi lớn.
- Nhu cầu thị trường ổn định và tăng cao hơn dự báo nên phải đầu tư bổ sung thêm thiết bị. Nhà máy Bình Minh Long An được khánh thành vào ngày 18/11/2015 là công trình chào mừng 38 năm thành lập Công ty.
- Tuy nhiên, do máy móc thiết bị đầu tư về không kịp nên vẫn xảy ra tình trạng thiếu hàng hóa trầm trọng và kéo dài đến cuối năm dù đã sử dụng hết năng lực sản xuất ở tất cả các nhà máy.
- Tình trạng thiếu hàng hóa đã khiến nạn hàng giả nở rộ với phương thức và thủ đoạn tinh vi. Công ty phải bỏ nhiều công sức kết hợp cùng công an để đấu tranh với vấn nạn này.
- Việc truy thu thuế kéo dài chưa dứt điểm gây ảnh hưởng về thời gian và nguồn lực của Công ty.
- Hàng loạt chính sách cạnh tranh phải áp dụng trong năm để giữ khách hàng. Nhờ đó, thị phần của Công ty vẫn được giữ vững.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2014	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015	TH/KH 2015	TH/2014
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.416	2.700	2.970	110 %	119 %
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	58.000	62.800	67.857	108 %	117 %
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	481	482	665	138 %	138 %

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY

Trong năm 2015, không có thay đổi nào trong thành phần Ban Tổng Giám đốc (xin xem phần giới thiệu thành phần Ban Tổng Giám đốc). Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc như bảng sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP BMP	% TỶ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	TỔNG GIÁM ĐỐC	343.639	0,75 %	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
2	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	253.908	0,56 %	THÀNH VIÊN HĐQT-CHỦ TỊCH HĐQTV-NBM
3	NGUYỄN THANH QUAN	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	6.505	0,01 %	
4	HỒNG LÊ VIỆT	KẾ TOÁN TRƯỞNG	02	0,00 %	

Năm 2015, Công ty đưa Nhà máy Bình Minh Long An vào hoạt động nên cơ cấu tổ chức có thay đổi. Bên cạnh việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Nhà máy Bình Minh Long An, Công ty đã kiện toàn bộ máy quản lý và bổ nhiệm hàng loạt cán bộ quản lý cấp trung bao gồm: Giám đốc Nhà máy 1; Trưởng, phó phòng Tiếp thị; Trưởng Phòng Quản trị Hành chính; Phó phòng Nhân sự; Phó phòng Kinh doanh và Phó phòng Quản trị hệ thống thông tin.

Công ty đã tuyển dụng nhân viên và công nhân đáp ứng cho nhu cầu nhân lực toàn Công ty, đặc biệt cho Nhà máy Bình Minh Long An mới đi vào hoạt động tháng 10/2015. Tổng số CBCNV của Công ty tính đến cuối năm 2015 là 758 người.

Thỏa ước Lao động tập thể đã được sửa đổi trong năm 2015 theo hướng các chế độ đãi ngộ, chính sách có lợi hơn cho NLĐ so với Bộ Luật Lao động.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Dự án Nhà máy Bình Minh Long An

Trong năm 2015, Công ty đã triển khai hoàn tất dự án Nhà máy Bình Minh Long An giai đoạn 1 trị giá hơn 144 tỷ, với tổng diện tích xây dựng 32.400 m², đầu tư thiết bị đạt công suất 5.000 tấn sản phẩm phụ tùng/năm. Nhà máy đã đi vào hoạt động từ tháng 10/2015, góp phần giải quyết việc thiếu phụ kiện ống Nhựa Bình Minh trên thị trường

Đầu tư máy móc thiết bị tăng cường năng lực cạnh tranh

Song song với việc xây dựng nhà máy Bình Minh Long An, Công ty đã thực hiện đầu tư máy móc thiết bị mới, hiện đại và đồng bộ, nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với tổng vốn đầu tư trên 119 tỷ đồng.

Dự án ERP

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục triển khai dự án Oracle ERP, đầu tư thiết bị công nghệ thông tin và bản quyền phần mềm Windows Server tại NBM và Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An với tổng vốn đầu tư là 1,3 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã áp dụng chính thức 5 phân hệ tại 5 địa điểm của Công ty là: Trụ sở chính Công ty, Nhà máy 1, Nhà máy 2, Nhà máy Bình Minh Long An và NBM.



Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH 1TV nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)

Năm 2015, nhờ có các giải pháp chỉ đạo đồng bộ từ Công ty mẹ, kết hợp chính sách kinh doanh linh hoạt và những thuận lợi khách quan từ các yếu tố đầu vào mà NBM tiếp tục đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh vô cùng khả quan, duy trì được đà tăng trưởng doanh số và sản lượng tiêu thụ từ những năm trước, trong đó đặc biệt là tăng trưởng về lợi nhuận. Thương hiệu Nhựa Bình Minh không ngừng khẳng định chỗ đứng vững chắc tại thị trường

miền Bắc, sản phẩm tiếp tục được nhiều chủ đầu tư, nhà thầu trong và ngoài nước tin tưởng sử dụng. Đội ngũ người lao động NBM ngày càng trưởng thành vững vàng hơn. Đời sống vật chất của người lao động tiếp tục được cải thiện đáng kể - thu nhập bình quân tăng 28% so với năm 2014, đời sống tinh thần cũng được nâng cao thông qua những phong trào thi đua sôi nổi, hoạt động thiết thực do lãnh đạo và tổ chức Công đoàn Công ty phát động; góp phần bồi đắp sự tin tưởng và tình cảm gắn bó giữa người lao động với Công ty.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2014	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015	THỰC HIỆN /KẾ HOẠCH (%)	THỰC HIỆN /2014 (%)
A	B	C	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
1.	Doanh số	Tỷ đồng	276	300	307,5	102,5	111,4
2.	Sản lượng	Tấn	7.200	7.500	7.952	106,0	110,4
3.	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,2	15	47,8	265,5	295

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt

Hiện tại dự án chuyển đổi công năng khu đất 240 Hậu Giang, Quận 6, Tp. HCM vẫn

đang ở các bước hoàn thiện thủ tục xin cấp phép đầu tư, phê duyệt quy hoạch. HĐQT đang xem xét, đánh giá tính hiệu quả của dự án đầu tư này.

Công ty CP nhựa Đà Nẵng (DPC)

Số liệu tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của DPC như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2014	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015	THỰC HIỆN / KẾ HOẠCH (%)	THỰC HIỆN /2014 (%)
A	B	C	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
1	Doanh số	Tỷ đồng	77	100	81,6	81,6	105,9
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,1	3	2,4	80,0	218,2

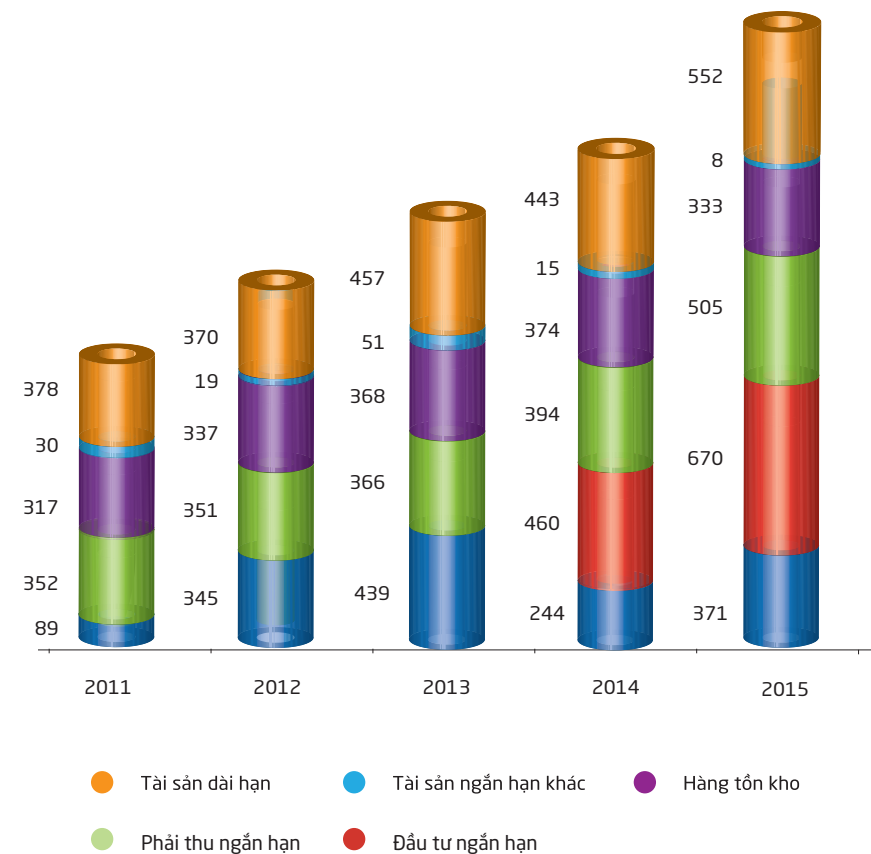
Mặc dù ĐHĐCĐ DPC thông qua kế hoạch năm 2015 với doanh số 100 tỷ và lợi nhuận 3 tỷ, là những con số rất khiêm tốn so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của DPC vẫn không đạt kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, khi so sánh với kết quả năm 2014, có thể nhận định hoạt động sản xuất kinh doanh của DPC đã có tín hiệu hồi phục, doanh số và lợi nhuận năm 2015 tăng so với năm 2014 lần lượt là 5,9% và 118,2%.

Nguyên nhân chủ yếu của những kết quả trái chiều nói trên vẫn do DPC là một doanh nghiệp quy mô nhỏ, thương hiệu và hệ thống phân phối sản phẩm yếu nên tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong công tác bán hàng và ổn định thị phần, nhất là trong bối cảnh phải cạnh tranh quyết liệt với các thương hiệu khác trên thị trường truyền thống. Hiện HĐQT của BMP và DPC đang bàn bạc để tìm phương hướng giải quyết triệt để, giúp DPC phát triển trong những năm tiếp theo.



Phân tích cơ cấu tài sản - nguồn vốn

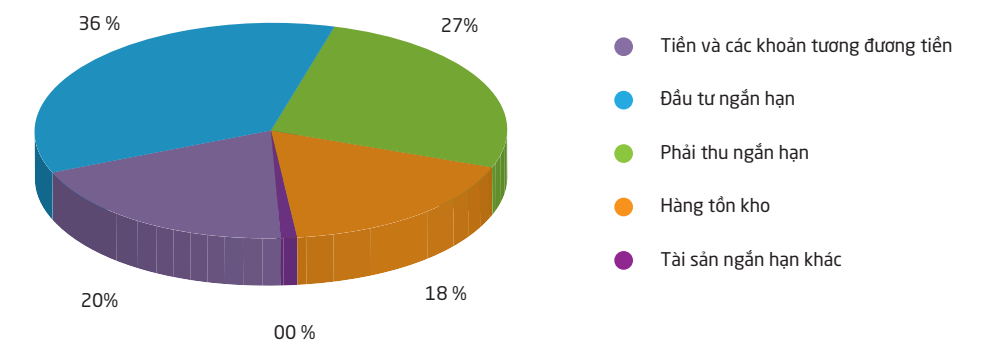
CƠ CẤU TÀI SẢN



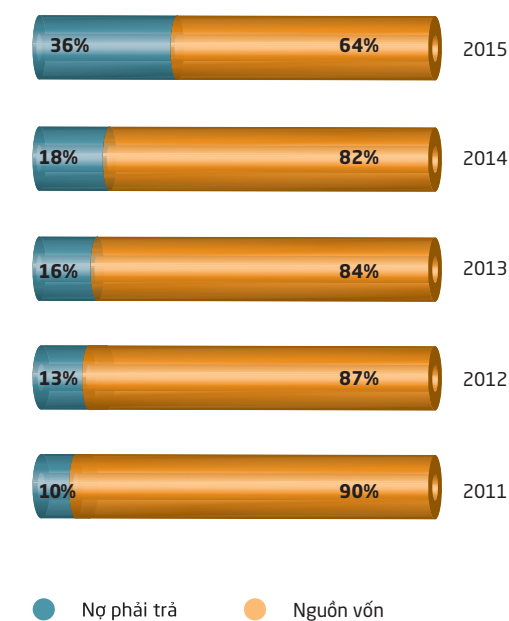
Tính đến thời điểm 31/12/2015, tổng tài sản của BMP đạt 2.438 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước, chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng 400 tỷ đồng, chiếm 77,4% trong tổng tài sản. Về mặt cơ cấu, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tiếp tục xu hướng tăng của các năm trước. Tỷ trọng tài sản dài hạn cũng thay đổi, giá trị tăng lên 109 tỷ do Nhà máy Bình Minh - Long An giai đoạn 1 chính thức được đưa vào sử dụng.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, khoản mục tiền và tương đương tiền chiếm 19,7%, đầu tư ngắn hạn (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng) chiếm 35,5%. Hai khoản này chiếm đến 55,2% trong tài sản ngắn hạn. Mặc dù doanh thu tăng 470 tỷ nhưng nợ phải thu chỉ tăng 50 tỷ, do BMP vẫn đang khuyến khích khách hàng dùng hình thức chiết khấu thanh toán ngay, nhằm giảm thiểu rủi ro thu hồi nợ xảy ra trong tương lai.

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN



CƠ CẤU NGUỒN VỐN



Cho đến thời điểm hiện nay, 64% tổng tài sản BMP vẫn sử dụng nguồn vốn chủ. BMP chưa cần dùng nguồn vốn bên ngoài mà có thể tự trang trải cho tất cả khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn của Công ty. Tuy nhiên, trong tương lai, nhu cầu mở rộng nhà máy, đầu tư máy móc thiết bị ngày càng nhiều thì cơ cấu này có thể có sự chuyển dịch.

Cơ cấu nợ phải trả trong năm 2015 hoàn toàn là nợ ngắn hạn. Tổng nợ phải trả của BMP tăng qua các năm và đạt 423 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2015. Khoản vay nợ là khoản khách hàng ký quỹ đặt cọc để được mua hàng trả chậm. Khoản phải trả khác tăng đột biến do ghi nhận cổ tức phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết của HĐQT và được thực chi vào tháng 01/2016.

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Những thách thức:

- Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đã hình thành, tạo ra thách thức cạnh tranh với sản phẩm của các đối thủ đến từ các nước trong AEC.
- Thị trường nội địa có thêm những đối thủ cạnh tranh. Hình thức cạnh tranh có nhiều dấu hiệu khốc liệt và thiếu lành mạnh.
- Nạn hàng giả, hàng nhái không chỉ ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế, mà nguy hiểm hơn có thể làm xói mòn lòng tin của khách hàng và ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty.

Định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2016-2017 sẽ tập trung cho một số những hoạt động cụ thể như sau:

- Thống nhất tiêu chuẩn sản phẩm đảm bảo yêu cầu hợp chuẩn, hợp quy Quốc gia và quốc tế.
- Nhanh chóng tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua hoạt động sáng tạo, đẩy mạnh việc đầu tư phát triển sản phẩm mới và đầu tư tăng cường năng lực sản xuất, kinh doanh.
- Hoàn thành và đưa vào hoạt động Nhà máy Bình Minh Long An giai đoạn 2.

- Hoạch định mô hình phân phối và chính sách kinh doanh theo định hướng thống nhất.
- Hoàn thiện để khai thác có hiệu quả Hệ thống ERP, nâng cao năng lực quản trị Công ty.
- Xây dựng chiến lược và hệ thống quản trị rủi ro.
- Hoàn thiện dự án tái cấu trúc Công ty theo hướng hợp lý và hiệu quả.
- Tổ chức những hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (16/11/2017).

Trong nhiều năm qua, Công ty đang hiện thực hóa triết lý **"HÀI HÒA LỢI ÍCH"** giữa Cổ đông - Khách hàng - Người lao động. Bằng sự nỗ lực hết mình, NHỰA BÌNH MINH đang tạo ra lợi nhuận cao cho Cổ đông, lợi ích tốt cho Khách hàng và thu nhập thỏa đáng cho Người lao động. Hơn thế nữa, NHỰA BÌNH MINH đã xây dựng được những nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững để hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm bớt đói nghèo, tạo sự thịnh vượng.

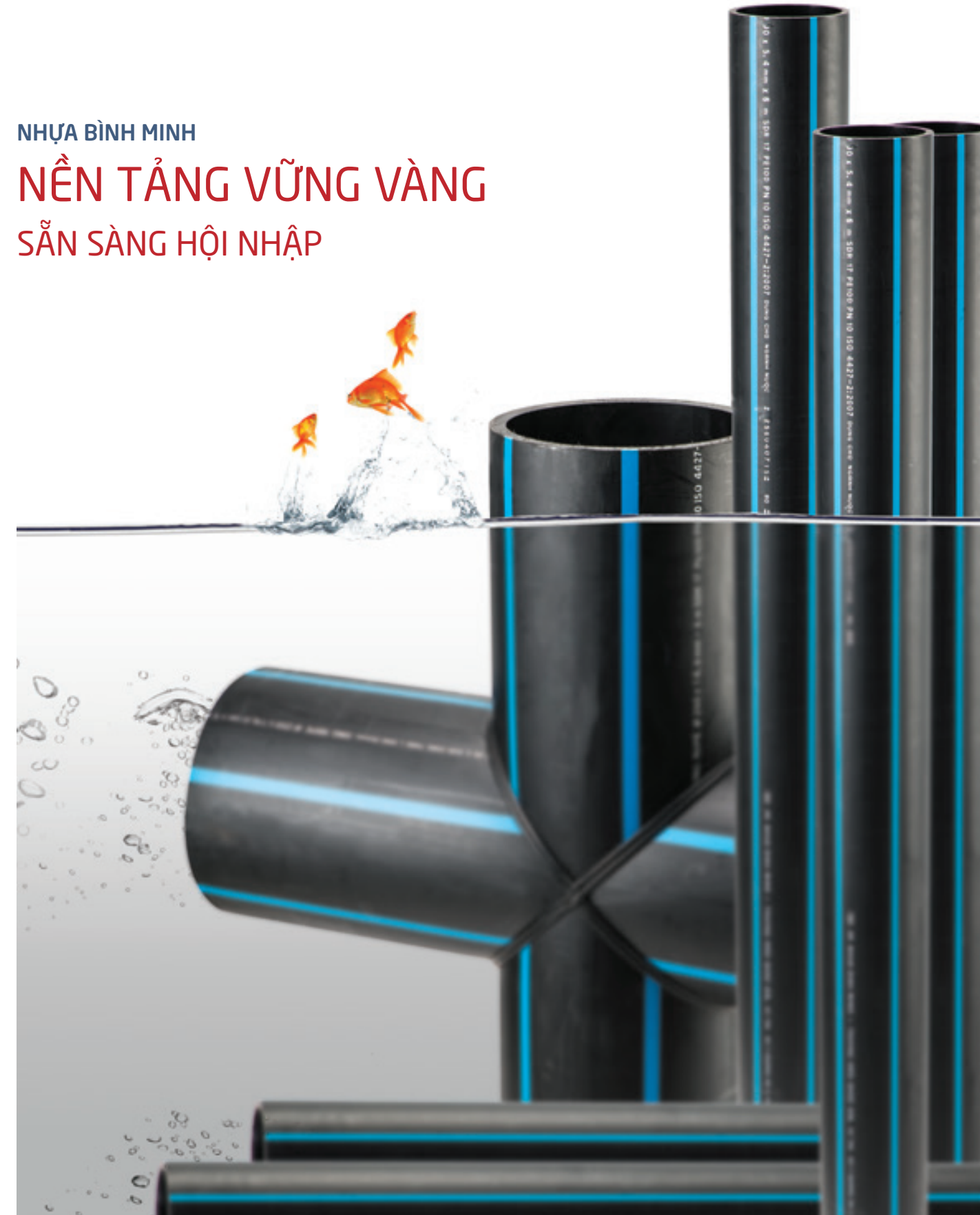
Tuy vậy, thông điệp năm mới 2016 của Tổng Giám đốc đối với người lao động cũng đưa ra cảnh báo về những thách thức phía trước.

“Hành trang lớn nhất của chúng ta trong hành trình tiến lên phía trước là sự **"TỰ TIN"**, Tự tin vào Truyền thống & Văn hóa doanh nghiệp, Tự tin vào Năng lực cốt lõi của Công ty và Tự tin vào Đội ngũ nhân sự tràn đầy tâm huyết. Tự tin nhưng không kiêu ngạo, Tự tin để không chùn bước trước khó khăn, không kiêu ngạo để tỉnh táo trong từng bước đi, tránh sa chân, lỡ bước trên đường dài.

Lời cảnh báo cho những người **"ngủ quên trên chiến thắng"** luôn luôn là một bài học không cũ và chúng ta đang nỗ lực hết mình để không sa vào chiếc **"bẫy"** luôn luôn TỐT nhưng không bao giờ trở thành **"VĨ ĐẠI"**.

NHỰA BÌNH MINH

NỀN TẢNG VỮNG VÀNG SẴN SÀNG HỘI NHẬP





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TỔNG DOANH THU
2.970 TỶ, TĂNG 18,8%,
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
665 TỶ, TĂNG 38,3%,
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU
11.410 ĐỒNG, TĂNG 32,7%
SO VỚI NĂM 2014.

60 | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 31/12/2015

62 | ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

63 | ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

64 | NHẬN ĐỊNH VỀ TƯƠNG LAI

65 | CAM KẾT CỦA HĐQT

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 31/12/2015

a. Thông tin về cổ phần - cổ phiếu

Trong năm qua Công ty không thay đổi tăng giảm vốn điều lệ.

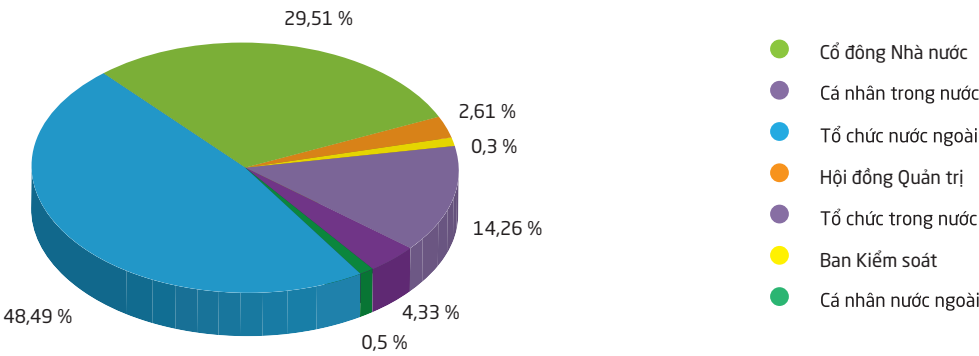
TỔNG SỐ CỔ PHẦN	45.478.480
Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông	45.478.480
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	45.395.610
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	82.870

Công ty không có cổ phiếu quỹ và các loại chứng chỉ khác.

b. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CP NẤM GIỮ	TỶ LỆ %
Cổ đông Nhà nước	13.422.170	29,51 %
Hội đồng Quản trị	1.187.687	2,61 %
Ban Kiểm soát	134.495	0,30 %
Cá nhân trong nước	6.483.249	14,26 %
Tổ chức trong nước	1.970.872	4,33 %
Cá nhân nước ngoài	228.080	0,50 %
Tổ chức nước ngoài	22.051.927	48,49 %
TỔNG CỘNG	45.478.480	100 %

SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU



Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên

TT	HỌ TÊN	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ %
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC	Tổ chức Trong nước	13.422.170	29,51 %
2	The Nawaplastic Industries (Saraburi) Co. Ltd.	Tổ chức Nước ngoài	9.279.049	20,40 %
3.	Franklin Templeton Investment Fund - Templeton Frontier Markets Fund	Tổ chức Nước ngoài	4.904.418	9,01 %
	CỘNG		26.798.637	58,93%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn :

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CP TRƯỚC GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU TRƯỚC GIAO DỊCH	LOẠI GIAO DỊCH	SỐ CP SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU SAU GIAO DỊCH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Vietnam Holding Limited	2.351.925	5,17%	Bán	1.503.665	3,31%	Năm 2015

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2015 đã khép lại với những kết quả khá tốt của Công ty, tăng trưởng cao ở tất cả các chỉ tiêu kinh tế, đặc biệt là lợi nhuận - Tổng doanh thu 2.970 tỷ, tăng 18,8%, lợi nhuận trước thuế 665 tỷ, tăng 38,3%, lãi cơ bản trên cổ phiếu 11.410 đồng, tăng 32,7% so với năm 2014.

Những con số trên đã khẳng định sự đúng đắn ở tầm nhìn xa của Hội đồng Quản trị và các bước thực hiện từng thời điểm của Ban Tổng Giám đốc với mục tiêu kiên định nhằm tiếp tục phát triển bền vững:

- **Định hướng chiến lược:** Thể hiện rõ sức mạnh bền bỉ của Nhựa Bình Minh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng ngành nhựa. Sự lựa chọn cơ cấu sản phẩm, mức độ đầu tư, phân khúc thị phần đều xoay quanh chiến lược giữ vững vị trí là doanh nghiệp nhựa hàng đầu Việt Nam. Thực tế đã chứng minh sự phù hợp cao của việc định hướng chiến lược này, dựa trên những điều kiện khách quan và nội lực chủ quan, không tự bằng lòng với thành quả đã qua, nhưng cũng không phiêu lưu mạo hiểm làm ảnh hưởng tới đồng vốn của cổ đông.
- **Phát triển nguồn nhân lực:** Năm qua tại Nhựa Bình Minh đã chứng kiến sự bổ sung nguồn nhân lực mới rất lớn so với những năm trước. Một đội ngũ đông đảo các kỹ sư, cử nhân kinh tế trẻ, có tri thức, năng lực được tuyển dụng một cách kỹ lưỡng để vừa phục vụ cho nhu cầu trước mắt, vừa đón đầu sự phát triển trong tương lai.
- **Tăng cường đầu tư:** Cũng là một năm mà Nhựa Bình Minh đã cho ra đời Nhà máy

Bình Minh Long An, hoàn chỉnh thêm bức tranh đầu tư mạnh, nhanh để kịp đón bắt sự tăng trưởng của thị trường xây dựng; chuẩn bị tốt cho sự hội nhập với quốc tế qua hệ thống máy móc thiết bị tối tân, cơ sở sản xuất hiện đại.

- **Bảo vệ môi trường:** Môi trường làm việc được đặc biệt chú ý với hàng loạt dự án cải tạo cảnh quan ở những nhà máy hiện hữu, đầu tư xây dựng nhà máy mới với tiêu chí xanh, sạch, đẹp. Bảo đảm sức khỏe cho người lao động tại cơ sở, cho người tiêu dùng bằng chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường tự nhiên chung quanh.
- **Quản trị thông minh:** Hệ thống quản trị không ngừng được cải tiến, hiện đại hóa. Công ty đã áp dụng hoàn toàn hệ thống quản trị tổng thể nguồn lực ERP. Đây là sự đầu tư khá lớn và quyết tâm, nhằm chuyên nghiệp hóa kỹ năng xử lý nghiệp vụ và tốc độ hóa thông tin giúp Lãnh đạo Công ty đưa ra được những quyết sách đúng.
- **Bồi đắp thương hiệu:** Điều đáng quý nhất là Nhựa Bình Minh mặc dù đứng trước sự cạnh tranh rất lớn và khốc liệt của các doanh nghiệp cùng ngành, vẫn giữ vững và tăng trưởng được thị phần. Thương hiệu ngày càng được người tiêu dùng tin tưởng, mức độ nhận biết rộng, sự đồng hành của hệ thống phân phối ngày càng cao.
- **Hài hòa lợi ích:** Là Công ty cổ phần, không để xảy ra xung đột lợi ích là mục tiêu lớn nhất và khó nhất mà Công ty đã liên tục đạt được từ trước đến nay.

3. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Tập thể Ban Tổng Giám đốc tuy có nhiều độ tuổi, nhiều chuyên môn, nhiều cá tính khác nhau nhưng đều đã được rèn luyện và trưởng thành hàng chục năm trong Công ty. Có phẩm chất chính trị tốt, hiểu biết sâu về lĩnh vực phụ trách, có năng lực quản lý hiệu quả, được người lao động trong Công ty, khách hàng, đối tác và cổ đông bên ngoài tin tưởng, đã hoàn thành tương đối tốt công việc được giao trong năm bằng sự tận tâm, khả năng xử lý thông tin và để ra quyết định đúng.
- Tuy nhiên, vẫn cần phải tăng tốc nhiều hơn. Cần có những bước đi mạnh dạn hơn nữa trong đào tạo cán bộ trẻ, ủy quyền sâu hơn để tập trung trí tuệ thực hiện thắng lợi định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị, tránh sa đà vào công việc cụ thể quá nhiều hoặc nghiên cứu quá lâu mà bỏ lỡ những cơ hội được trao cho làm ảnh hưởng khả năng ra quyết định kịp thời.



4. NHẬN ĐỊNH VỀ TƯƠNG LAI

- Sự quyết tâm ổn định chính trị, an ninh đất nước của Chính phủ sẽ giúp cho kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng sáng sủa, rõ ràng hơn, tạo tiền đề thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phục vụ cơ sở hạ tầng như Nhựa Bình Minh. Dự báo tăng trưởng ngành xây dựng có thể vẫn còn ở mức hai con số, là cơ sở để Công ty tiếp tục phát triển cao trong năm 2016.
- Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế bên cạnh sự thuận lợi, mang lại lợi ích cho Quốc gia nhưng mặt khác, lại tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt hơn của ngành ngay tại “sân nhà”, trong một đất nước mà chắc chắn vẫn còn nhiều nhu cầu về xây dựng như nước ta. Điều này ngoài việc đòi hỏi bản lĩnh của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tại Doanh nghiệp, còn phụ thuộc vào sự công bằng và phù hợp của các chính sách Nhà nước và việc thực thi của các cơ quan chức năng.
- Có mối tương quan chặt chẽ với hiệu quả của Nhựa Bình Minh là giá dầu - cơ sở hình thành giá nguyên vật liệu nhựa - lại là điều khó tiên đoán dài hạn vì còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác trên thế giới chứ không chỉ đơn thuần phản ánh giá trị khai thác. Do đó, chỉ có thể dự báo ngắn hạn và đòi hỏi sự nhạy bén cao trong đánh giá tình hình để không ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. CAM KẾT CỦA HĐQT

Từ những nhận định trên, so sánh với những yếu tố thuận lợi và khó khăn nội tại của Công ty, Hội đồng Quản trị vẫn tự tin Nhựa Bình Minh đang phát triển đúng hướng, luôn có những bước đi đáp ứng yêu cầu hiện tại và chuẩn bị tốt cho tương lai. Hội đồng Quản trị cam kết sẽ tạo điều kiện mạnh mẽ và sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty, làm tròn nhiệm vụ được giao phó

là mang lại hiệu quả cao cho cổ đông, đời sống ổn định với xu hướng ngày càng tăng cho người lao động, đáp ứng tốt các yêu cầu của cộng đồng xã hội, cung ứng đủ nhu cầu thị trường với sản phẩm chất lượng cao.

Nhựa Bình Minh sẽ tiếp tục phát triển trên một **nền tảng vững vàng** và **sẵn sàng hội nhập**.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

TẠO DỰNG ĐƯỢC MỘT
MÔI TRƯỜNG GẮN BÓ cho các
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, QUA ĐÓ
TẬN DỤNG ĐƯỢC THỂ MẠNH CỦA TỪNG NGƯỜI

68 | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

78 | BAN KIỂM SOÁT

82 | CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Đại hội đồng cổ đông tháng 4/2013 đã bầu ra HĐQT mới cho nhiệm kỳ 2013 - 2018 gồm 5 thành viên. Cơ cấu của HĐQT bao gồm 3 thành viên không điều hành và 2 thành viên tham gia công tác điều hành. Có

1 thành viên là người nước ngoài đại diện cho cổ đông lớn. Trong năm 2015 không có thay đổi nào trong thành phần HĐQT. Lý lịch trích ngang của từng thành viên HĐQT xin xem phần giới thiệu thành viên HĐQT.

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TRONG HĐQT	SỐ CỔ PHIẾU (TỶ LỆ %) SỞ HỮU	THÀNH VIÊN HĐQT TẠI CÔNG TY KHÁC
1	LÊ QUANG DOANH	Chủ tịch HĐQT Không điều hành	Cá nhân: 590.140 (1.3%)	Không
2	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	Phó chủ tịch	Cá nhân: 343.639 (0,76%)	Không
3	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Thành viên	Cá nhân: 253.908 (0,56%) Đại diện SCIC: 6.711.745 (14,76%)	Không
4	NGUYỄN HỒNG MINH	Thành viên Không điều hành	Cá nhân: 0 (0%) Đại diện SCIC: 6.711.745 (14,76%)	Không
5	SUCHAI ASVATHAVORNVANIT	Thành viên Không điều hành	Cá nhân: 0 (0%) Đại diện Nawaplastic Industries Co.Ltd.: 9.279.049 (20,4%)	Không

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT

TIỂU BAN	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ TRONG CÔNG TY
Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng	1. Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT
	2. Ông Bùi Quang Khôi	Giám đốc Bình Minh Long An; Thư ký Công ty
	3. Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng phòng Tiếp thị
	4. Bà Nguyễn Kim Bích	Trưởng phòng Nhân sự
	5. Bà Nguyễn Thị Chúc Quỳnh	Nhân viên phòng Quản trị Hành chính
Quan hệ cổ đông	1. Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM
	2. Ông Bông Hoa Việt	Trưởng phòng Quản trị Hành chính
	3. Ông Nguyễn Viết Anh	Phó Phòng Đầu tư Nghiên cứu - Phát triển
	4. Ông Phùng Hữu Luận	Phó phòng Tài chính Kế toán - Kiểm soát viên NBM
Chiến lược - Phát triển	1. Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
	2. Ông Suchai Asvathavornvanit	Thành viên HĐQT
	3. Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
	4. Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính Kế toán
	5. Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng phòng Kinh doanh
Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ	1. Nguyễn Kim Thượng	Trưởng Phòng Quản trị Hệ thống thông tin
	2. Nguyễn Hồng Minh	Thành viên HĐQT
	3. Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS
	4. Nguyễn Ngọc Linh	Phó Phòng Nhân sự
	5. Vy Thị Hồng Loan	Phó Phòng Kinh doanh





c. Hoạt động của HĐQT

Năm 2015 hoạt động của HĐQT vẫn được duy trì tốt, tích cực. Các thành viên có trách nhiệm và làm tốt vai trò của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã kịp thời đáp ứng được tình hình thực tế của Công ty. Đặc biệt HĐQT đã làm tốt vai trò giám sát, sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch năm 2015 đạt hiệu quả cao nhất từ trước đến nay.

- Tạo dựng được một môi trường gần gũi cho các thành viên Hội đồng Quản trị, qua đó tận dụng được thế mạnh của từng người - các Giám đốc, chuyên viên tài chính, chuyên viên kinh tế - mỗi thành viên đều có điều kiện phát huy sở trường trong các Tiểu ban và đóng góp hữu ích cho Hội đồng Quản trị.
- Vượt qua rào cản về ngôn ngữ, văn hóa, sự đồng thuận của Hội đồng Quản trị trong việc vừa đưa ra những nguyên tắc cơ bản, vừa linh hoạt bổ sung, điều chỉnh khi cần

sao cho hài hòa các lợi ích giữa cổ đông, người lao động, khách hàng và xã hội đã có sức lan tỏa đến Ban Tổng Giám đốc, cán bộ công nhân viên và cả khách hàng, đối tác của Công ty.

- Lịch và nội dung làm việc của HĐQT mang tính vừa khoa học, nguyên tắc vừa uyển chuyển, linh hoạt, phù hợp điều kiện riêng của từng thành viên, đồng thời tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhưng vẫn đảm bảo sự giám sát chặt chẽ của HĐQT.
- Hội đồng Quản trị rất nghiêm túc trong việc thực thi các chuẩn mực quản trị, không buông xuôi, thỏa hiệp nhằm hoàn thiện năng lực của các thành viên trong từng vị trí công tác, thể hiện ở những yêu cầu khắt khe về nội dung công việc, tiến độ thực hiện và kết quả hoàn thành. Điều này khiến cho không có các thành viên “đanh nghia” hoặc hoạt động “cầm chừng” trong Hội đồng Quản trị.



Tình hình tham gia các cuộc họp của HĐQT

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ %
1	Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	05	100
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	05	100
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	05	100
4	Ông Suchai Asathavornvanit	Thành viên	05	100
5	Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	05	100

Các Nghị quyết của HĐQT

SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01/NQ-BM/HĐQT/2015	23/4/2015	Chi trả đợt hai cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt, tỷ lệ 25%.
02/NQ-BM/HĐQT/2015	16/10/2015	Tái bổ nhiệm toàn bộ nhân sự cấp cao. Sửa đổi điều lệ. Nới tỷ lệ sở hữu nước ngoài và tạm ứng cổ tức 2015.
03/NQ-BM/HĐQT/2015	21/12/2015	Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng và mức tạm ứng cổ tức đợt 1/2015.

Các Quyết định của HĐQT

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/QĐ-BM/HĐQT/2015	20/01/2015	Ban hành Quy chế Phối hợp nội bộ.
02	02/QĐ-BM/HĐQT/2015	26/01/2015	Giao đơn giá tiền lương 2015 cho Công ty.
03	03/QĐ-BM/HĐQT/2015	23/6/2015	Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT NBM của ông Nguyễn Thanh Hải do chuyển công tác về lại Công ty mẹ.
04	04/QĐ-BM/HĐQT/2015	23/6/2015	Bổ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT NBM cho Ông Lê Thanh Hải - Giám đốc NBM.
05	05/QĐ-BM/HĐQT/2015	01/7/2015	Điều chỉnh đơn giá tiền lương của Công ty.
06	06/QĐ-BM/HĐQT/2015	01/7/2015	Phân phối lợi nhuận năm 2014 và xử lý truy thu thuế của NBM.
07	07/QĐ-BM/HĐQT/2015	01/7/2015	Nâng lương theo kỳ hạn cho Tổng Giám đốc.
08	08/QĐ-BM/HĐQT/2015	20/8/2015	Trích lập Quỹ Điều hành năm 2014
09	09/QĐ-BM/HĐQT/2015	01/10/2015	Về việc sử dụng mẫu dấu bằng đồng
10	10/QĐ-BM/HĐQT/2015	01/10/2015	Về việc sử dụng mẫu dấu bằng cao su
11	11/QĐ-BM/HĐQT/2015	09/11/2015	Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Nguyễn Hoàng Ngân
12	12/QĐ-BM/HĐQT/2015	09/11/2015	Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thanh Quan
13	13/QĐ-BM/HĐQT/2015	09/11/2015	Gia hạn bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Kim Yến



d. Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành

Ông Lê Quang Doanh

Ông luôn thể hiện rõ nét vai trò Chủ tịch HĐQT thông qua việc lựa chọn các vấn đề, tổ chức cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Ông đại diện cho HĐQT làm việc hằng tuần với Ban Tổng Giám đốc, qua đó nắm bắt và có những chỉ đạo kịp thời đối với những vấn đề phát sinh. Ông đã có những chỉ đạo định hướng đúng đắn, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc lãnh đạo Công ty thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, giữ gìn sự đoàn kết ổn định, đảm bảo việc làm và thu nhập cho CBCNV. Đồng thời là Trưởng tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng, Ông đã chỉ đạo Tiểu ban, nghiên cứu đề xuất những vấn đề quan trọng về chính sách, nhân sự cho HĐQT để chuẩn bị cho bước phát triển mạnh mẽ tiếp theo của Công ty.

Ông Suchai Asathavornvanit - Đại diện cho cổ đông lớn NAWAPLASTIC

Tuy không làm việc tại Việt Nam, nhưng Ông luôn sắp xếp công việc để tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và của Tiểu ban Chiến lược- Phát triển. Với những kinh nghiệm bản thân trong lĩnh vực hoạt động của mình, Ông đã có nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho các hoạt động của HĐQT cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của BMP trong năm vừa qua.

Bà Nguyễn Hồng Minh - Đại diện cho cổ đông lớn SCIC

Bà luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và của Tiểu ban Quản trị rủi ro - Kiểm soát nội bộ. Với kiến thức và vị

trí công tác của mình tại SCIC, Bà đã có nhiều ý kiến tích cực đóng góp cho các hoạt động khác của HĐQT. Ngoài ra, Bà còn là cầu nối trong việc liên hệ, truyền đạt các ý kiến đóng góp của SCIC với BMP.

Hoạt động các tiểu ban thuộc HĐQT

Nhìn chung các Tiểu ban thuộc HĐQT đã hoạt động ổn định trong năm 2015. Các Tiểu ban đã xem xét, rà soát nhiều chính sách, quy chế và các hoạt động của Công ty, từ đó có các đề xuất, tư vấn để giúp HĐQT trong công tác định hướng chiến lược chung toàn Công ty. Bên cạnh đó thành viên của các Tiểu ban cũng là những người có trách nhiệm với công việc, hoạt động tích cực, đáp ứng yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

• Tiểu ban Quan hệ cổ đông

Trong năm 2015, Tiểu ban Quan hệ cổ đông đã thực hiện tốt công việc của mình. Công bố kịp thời các thông tin của Công ty theo quy định pháp luật. Tổ chức bốn cuộc họp định kỳ hằng quý với các cổ đông, nhà đầu tư tổ chức và cá nhân quan tâm đến tình hình SXKD của Công ty và giải đáp các ý kiến, thắc mắc của cổ đông. Đã có hơn 25 buổi tiếp xúc riêng lẻ với các tổ chức đầu tư. Được cổ đông, các tổ chức đầu tư, các công ty chứng khoán đánh giá cao về tính hiệu quả, minh bạch và kịp thời trong hoạt động của mình.

• Tiểu ban Chính sách, nhân sự, lương thưởng

Trong năm qua, Tiểu ban đã hoạt động khá tích cực. Cụ thể Tiểu ban đã có các đề xuất sửa đổi chính sách quản trị nội bộ Công ty; đóng góp tích cực vào việc



sửa đổi điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp mới; có các đề xuất về các quy chế lương, thưởng. Đã đề xuất để HĐQT ban hành quy chế phối hợp nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con, Chi nhánh nhằm thống nhất trong việc quản lý nhưng vẫn đảm bảo sự linh hoạt và chủ động của Công ty con và chi nhánh.

• Tiểu ban Chiến lược phát triển

Tư vấn có hiệu quả cho Ban Tổng Giám đốc về chiến lược và kế hoạch đầu tư cụ thể cho từng năm, đặc biệt cho việc giải quyết tình trạng thiếu hàng trong năm 2015 và việc đầu tư xây dựng Nhà máy Bình Minh Long An.

• Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ

Trong năm 2015, Tiểu ban đã đề xuất xem xét việc chuyển đổi mô hình Sóng Thần và Bình Minh Long An tương tự như NBM theo quy định của pháp luật. Đồng thời xem xét việc thuê ngoài đối với nguồn nhân lực trong các lĩnh vực không cần nhiều kỹ năng, kinh nghiệm tại Công ty.

e. Danh sách Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ 5 thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Trong năm 2015, các thành viên HĐQT không tham gia đào tạo bổ sung thêm chương trình nào.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 – 2018 bao gồm 3 thành viên. trong đó hai thành viên đang công tác tại Công ty và một thành viên bên ngoài, đại diện cổ đông Nhà nước (SCIC). Trong năm 2015 không có thay đổi nào trong Thành phần BKS. Lý lịch trích ngang của từng thành viên BKS xin xem phần giới thiệu thành viên BKS.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của cá nhân thành viên BKS

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU (TỶ LỆ %) SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	Trưởng ban	126.692 (0,28%)	
2	NGUYỄN LƯU THÙY MINH	Thành viên	7.800 (0,02%)	
3	NGUYỄN THỊ THẨM	Thành viên	0 (0%)	TV BKS do SCIC giới thiệu

a. Hoạt động của BKS trong năm 2015

Chương trình hoạt động BKS trong năm 2015 chủ yếu tập trung vào chức năng, nhiệm vụ chính của BKS theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty;
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. Rà soát việc thực hiện các quy trình, quy chế đang áp dụng tại Công ty;

Các phiên họp của BKS

Phiên họp	Nội dung chính
Phiên 1 28/3/2015	Xem xét báo cáo tài chính năm 2014. Xem xét tình hình thực hiện Quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của BKS trong năm 2014. Kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS năm 2014. Chuẩn bị ĐHĐCĐ năm 2015.
Phiên 2 07/8/2015	Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm. Tình hình kiểm kê 6 tháng đầu năm. Soát xét báo cáo tài chính bán niên 2015. Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2015. Kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm của BKS.

Ngoài các cuộc họp chính thức, BKS còn tham gia 02 cuộc họp định kỳ với HĐQT và thực hiện các trao đổi giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại để các thành viên đảm bảo thông suốt các chủ trương chính sách của Công ty và kịp thời hỗ trợ nhau trong công việc nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

b. Báo cáo giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2015

STT	Chỉ tiêu	Theo nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2014		Đúng nghị quyết	100
2	Doanh thu	2.700 tỷ	2.970 tỷ	110
3	Lợi nhuận trước thuế	482 tỷ	665 tỷ	138
4	Kế hoạch đầu tư	488,5 tỷ	263	52,6
5	Cổ tức bằng tiền mặt	Tối thiểu 20%	Đã thực hiện 15%	75
6	Thù lao của HĐQT	2,5 tỷ	2,5 tỷ	100
7	Thù lao của BKS	625 triệu	625 triệu	100
8	Thưởng cho HĐQT và BKS	ĐHĐCĐ 2015 quyết định	Chưa thực hiện	

c. Đánh giá hoạt động của BKS năm 2015

Với chương trình hoạt động của BKS trong năm 2015, từng thành viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công đúng thời gian, tiến độ. Ngoài ra, BKS còn tham gia vào việc thực hiện báo cáo thường niên, cùng với HĐQT tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên...

Các thành viên BKS đều có tư cách đạo đức tốt, tinh thần thái độ làm việc tích cực,

quan hệ tốt với người xung quanh, không lợi dụng thông tin để trục lợi cá nhân, ảnh hưởng đến hình ảnh Công ty. BKS trong năm vừa qua hoạt động tích cực, nhận được sự phối hợp cao, tạo điều kiện của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nên hoàn thành nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao phó. BKS cam kết tiếp tục thực hiện công việc một cách công tâm và cẩn trọng, các nhận xét và số liệu đều trung thực, khách quan.



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

a. Thu nhập chịu thuế của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS tại Công ty

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG _CBCNV	THƯƠNG _CBCNV	PHỤ CẤP ĐOÀN THỂ	THÙ LAO HĐQT+BKS _ĐỢT 2/2014	THÙ LAO HĐQT+BKS _ĐỢT 1/2015	THƯƠNG HĐQT+BKS 2014	TRO CẤP NGHĨ HƯU	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ TNCN	THUẾ TNCN	THU NHẬP SAU THUẾ TNCN
Lê Quang Doanh	HĐQT				263.160.000	315.790.000	1.025.000.000		1.603.950.000	160.395.000	1.443.555.000
Nguyễn Hoàng Ngân	HĐQT	1.328.837.820	404.066.518	20.888.799	184.212.000	221.053.000	717.000.000	0	2.876.058.137	832.049.184	2.044.008.953
Nguyễn Thị Kim Yến	HĐQT	1.164.020.561	335.989.494	23.130.541	157.896.000	189.474.000	614.000.000	226.432.341	2.710.942.937	789.896.592	1.921.046.345
Suchai Asathavornvanit	HĐQT				157.896.000	189.474.000	307.000.000		654.370.000	130.874.000	523.496.000
Nguyễn Hồng Minh	HĐQT				157.896.000	189.474.000	307.000.000		654.370.000	46.489.600	607.880.400
Cộng HĐQT		2.492.858.381	740.056.012	44.019.340	921.060.000	1.105.265.000	2.970.000.000	226.432.341	8.499.691.074	1.959.704.376	6.539.986.698
Nguyễn Thị Phương Nga	BKS	668.636.556	197.467.534	0	114.000.000	180.400.000	320.000.000	0	1.480.504.090	307.615.308	1.172.888.782
Nguyễn Lưu Thùy Minh	BKS	213.401.192	61.708.120	0	68.000.000	59.800.000	240.000.000	0	642.909.312	67.765.524	575.143.788
Nguyễn Thị Thắm	BKS				68.000.000	59.800.000	240.000.000		367.800.000	30.800.000	337.000.000
Cộng BKS		882.037.748	259.175.654	0	250.000.000	300.000.000	800.000.000	0	2.491.213.402	406.180.832	2.085.032.570
Nguyễn Thanh Quan	P.TGD	1.017.400.358	305.798.810	12.013.579	0	0	0	0	1.335.212.747	247.811.700	1.087.401.047
Hồng Lê Việt	KTT	919.839.746	282.514.492	0	0	0	0	0	1.202.364.238	231.718.584	970.635.654
Cộng khác		1.937.240.104	588.313.302	12.013.579	0	0	0	0	2.537.566.985	479.530.284	2.058.036.701
TỔNG CỘNG		5.312.136.233	1.587.544.968	56.032.919	1.171.060.000	1.405.265.000	3.770.000.000	226.432.341	13.528.471.461	2.845.415.492	10.683.055.969

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2015, các cổ đông nội bộ không thực hiện giao dịch nào đối với cổ phiếu của Công ty.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2015, Công ty không ghi nhận bất cứ hợp đồng hoặc giao dịch nào giữa Công ty với cổ đông nội bộ liên quan theo điều lệ Công ty quy định (bao gồm Thành viên HĐQT, Thành viên BKS và Thành viên Ban Tổng Giám đốc).

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty theo mô hình tiên tiến luôn được HĐQT

và Ban Tổng Giám đốc đặt lên hàng đầu. Trong năm 2015, hoạt động của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên này.

Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường về tình hình quản trị Công ty theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trong năm không có nhắc nhở nào của HOSE về vấn đề này.

Công ty tiếp tục triển khai hệ thống ERP giúp công tác quản trị ngày càng minh bạch hơn. Rà soát lại một số quy trình làm việc nội bộ để ngăn ngừa rủi ro tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
(AASCN).**

Địa chỉ : 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại : (84-8) 3910 3908
Fax : (84-8) 3910 4880

• Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho công ty

Bà Nguyễn Hồng Nga
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1266-2013-152-1 đã thực hiện kiểm
toán cho công ty năm 2015.

• Đánh giá đơn vị kiểm toán

Đơn vị thực hiện kiểm toán số liệu của
Công ty năm 2015 là Công ty TNHH Tư
vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam
Việt (AASCN), là 1 trong 6 đơn vị kiểm
toán được Đại hội Cổ đông năm 2015
thông qua. Sau khi xem xét báo cáo
kiểm toán, chúng tôi nhất trí với số liệu
và kết luận của đơn vị kiểm toán.

2. KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Công ty không thực hiện kiểm toán nội
bộ. Các số liệu kế toán, hoạt động tài
chính hợp nhất được phòng chức năng
báo cáo cho Ban Điều hành, HĐQT hàng
quý và được kiểm toán định kỳ 6 tháng
một lần. Tiểu ban kiểm soát nội bộ và
Quản trị rủi ro phối hợp với việc áp dụng
các quy trình quản lý theo hệ thống
ISO 9001 giúp kiểm soát tốt các hoạt
động, kịp thời báo cáo với HĐQT và kiến
nghị Ban Điều hành các vấn đề liên quan
đến tình hình quản trị Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 88 | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 92 | BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 94 | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 98 | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2015
- 99 | BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
NĂM 2015
- 101 | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT NĂM 2015



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 10 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Vĩnh Lộc - Bến Lức	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

TÊN CÔNG TY	ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO	NGÀNH HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100%

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	NGÀNH HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	29,05%

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Danh sách các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị:

• Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch
• Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
• Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên
• Ông Suchai Asathavornvanit	Thành viên
• Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

• Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc
• Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

• Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Ban
• Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
• Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên

Kiểm toán viên:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày từ trang 86 đến trang 127 kèm theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Lê Quang Doanh
Chủ tịch

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số : 118/BCKT/TC

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con, được lập ngày 22/03/2016, từ trang 86 đến trang 127, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như thuyết minh tại mục V.5, theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế và quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 của Cục Thuế TP.HCM về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 và năm 2010 số thuế TNDN bị truy thu là 71.420.413.472 đồng. Công ty đã nộp và đang tạm hạch toán ở khoản mục phải thu khác

trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015. Hiện nay Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TP.HCM, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để thống nhất số tiền được hoàn lại theo hướng dẫn của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc

Kiểm toán viên



Handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Hồng Nga

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0167-2013-152-1

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.886.339.698.958	1.485.967.982.151
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	370.744.808.359	243.691.456.593
1. Tiền	111		370.744.808.359	213.691.456.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		670.000.000.000	460.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	670.000.000.000	460.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		504.946.400.210	406.997.482.675
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	347.481.136.022	297.345.422.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	61.063.630.929	47.210.403.034
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	136.095.922.964	90.357.767.943
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(39.857.399.343)	(28.079.002.297)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	163.109.638	162.891.795
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	332.550.008.993	373.501.801.097
1. Hàng tồn kho	141		332.550.008.993	373.501.801.097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.098.481.396	1.777.241.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	3.814.085.178	155.303.031
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	341.772.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	4.284.396.218	1.280.166.704
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		551.995.032.118	442.550.251.069
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-	-

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
II. Tài sản cố định	220		281.173.114.173	201.749.251.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	253.279.265.034	173.431.453.636
- Nguyên giá	222		878.476.258.771	737.879.057.442
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(625.196.993.737)	(564.447.603.806)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	27.893.849.139	28.317.798.312
- Nguyên giá	228		36.421.099.457	35.996.185.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.527.250.318)	(7.678.387.345)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.491.701.757	9.417.513.006
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	9.491.701.757	9.417.513.006
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	13.551.680.747	13.055.678.362
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.357.730.347	10.861.727.962
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.193.950.400	4.193.950.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		247.778.535.441	218.327.807.753
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	217.366.699.750	217.366.699.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	23.725.659.614	961.108.003
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.686.176.077	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.438.334.731.076	1.928.518.233.220

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

nguồn vốn	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		423.055.647.042	210.257.819.802
I. Nợ ngắn hạn	310		422.719.284.642	210.257.819.802
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	94.450.621.817	67.063.726.753
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.507.686.511	952.599.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	44.809.037.451	28.329.481.974
4. Phải trả người lao động	314		33.973.971.941	24.025.677.002
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	110.709.980.112	25.607.934.051
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	70.080.963.095	2.614.047.765
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	61.100.187.000	58.420.187.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.086.836.715	3.244.165.397
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán trái phiếu CP	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		336.362.400	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		336.362.400	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.015.279.084.034	1.718.260.413.418
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.015.279.084.034	1.718.260.413.418
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		454.784.800.000	454.784.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		454.784.800.000	454.784.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-

Đơn vị tính: VND

nguồn vốn	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.065.824.112.077	893.419.394.492
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		448.093.837.257	323.479.884.226
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.146.151.062	3.521.970.144
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		446.947.686.196	319.957.914.082
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.438.334.731.076	1.928.518.233.220

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.970.287.044.650	2.500.608.876.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	178.672.959.542	85.056.252.776
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.791.614.085.108	2.415.552.623.633
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.901.883.604.157	1.746.457.773.865
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		889.730.480.951	669.094.849.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	28.435.306.503	27.159.803.118
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	29.603.449.284	20.316.634.466
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.097.860.403	3.860.540.507
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		496.002.385	797.583.330
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	125.938.131.868	123.639.695.429
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	95.995.478.314	73.249.521.841
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		667.124.730.373	479.846.384.480
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.428.042.076	1.284.248.867
13. Chi phí khác	32	VI.9	4.430.515.011	34.020.459
14. Lợi nhuận khác	40		(2.002.472.935)	1.250.228.408
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		665.122.257.437	481.096.612.888
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	168.986.287.149	104.185.046.541
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(22.764.551.611)	99.961.807
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		518.900.521.899	376.811.604.540
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		518.900.521.899	376.811.604.540
18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	11.410	8.285
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	665.122.257.437	481.096.612.888
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	66.049.489.608	70.611.472.928
- Các khoản dự phòng	03	11.778.397.046	14.735.150.512
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(191.878.655)	28.286.814
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28.831.033.379)	(26.749.162.549)
- Chi phí lãi vay	06	4.097.860.403	3.860.540.507
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	718.025.092.461	543.582.901.100
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(66.099.026.170)	(38.388.624.541)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	34.265.616.027	(5.708.967.216)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	74.218.955.080	63.286.271.952
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.658.782.147)	2.178.295.607
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.536.278.784)	(944.720.144)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(151.295.652.185)	(110.808.426.680)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.608.910.451
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(36.829.741.580)	(40.435.297.198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	565.090.182.702	414.370.343.331
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(145.595.304.255)	(56.690.079.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	314.617.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(210.000.000.000)	(460.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.068.177.665	21.276.707.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(327.212.509.590)	(495.413.372.013)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30.550.000.000	25.020.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.870.000.000)	(2.550.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(113.696.200.000)	(136.435.440.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(111.016.200.000)</i>	<i>(113.965.440.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>126.861.473.112</i>	<i>(195.008.468.682)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	243.691.456.593	438.728.212.089
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	191.878.655	(28.286.814)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	370.744.808.359	243.691.456.593

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Hữu Luận

Hồng Lê Việt

Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Vĩnh Lộc - Bến Lức	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

TÊN CÔNG TY	ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO	NGÀNH HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100%

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	NGÀNH HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	29,05%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

(Tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cùng ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các thông tư nói trên nên các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với các quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC và thông tư 202/2014/TT-BTC.

I. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

(Tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là « tương đương tiền»;
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 41 - 50 năm |

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại, khoản vay và phải trả khác

- Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

(Tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không bao gồm các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.583.456.548	695.569.776
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	369.161.351.811	212.995.886.817
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	30.000.000.000
CỘNG	370.744.808.359	243.691.456.593



2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

CỘNG

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

i) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	670.000.000.000	670.000.000.000	460.000.000.000	460.000.000.000
	670.000.000.000	670.000.000.000	460.000.000.000	460.000.000.000
	670.000.000.000	670.000.000.000	460.000.000.000	460.000.000.000
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	11.357.730.347	29%	10.861.727.962	29%
	11.357.730.347	29%	10.861.727.962	29%

31/12/2015

01/01/2015

ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Công ty Cổ phần Long Hậu
Công ty CP Nhựa Tân Tiến (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu)

	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
		4.193.950.400	(2.000.000.000)	2.297.852.400		4.193.950.400	(2.000.000.000)	2.193.950.400
	17.317	193.950.400	-	297.852.400	17.317	193.950.400	-	193.950.400
	20.000	4.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	20.000	4.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH SX TM Phương Hoàng	38.613.444.971	39.806.042.778
Công ty TNHH TM nhựa Đức Thành	34.844.128.351	34.844.128.351
Công ty Cổ Phần SX và TM Tường Vân	62.588.811.467	62.757.844.643
Công ty TNHH SX TM DV Minh Liêm	54.585.652.091	71.198.228
Phải thu bán hàng các khách hàng khác	156.849.099.142	159.866.208.200
CỘNG	347.481.136.022	297.345.422.200

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
KRAUSSMAFFEI TECHNOLOGIES GMBH	9.743.878.800	9.743.878.800
Công ty cổ phần SEATECCO	15.035.343.096	-
Bausano & Figli Spa	9.529.488.000	-
Fu Chun Shin Machinery Manufacture Co.,Ltd	6.595.534.000	-
Trả trước cho người bán khác	20.159.387.033	37.466.524.234
CỘNG	61.063.630.929	47.210.403.034

5. Phải thu khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	1.100.880.000	410.330.000
Ký cược, ký quỹ	63.197.926.348	12.450.918.743
Phải thu khác	71.797.116.616	77.496.519.200
BHXX, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	218.913.395	247.833.980
Tạm nộp thuế TNDN truy thu theo BB thanh tra thuế của Cục Thuế TP.HCM (*)	71.420.413.472	71.420.413.472
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	-
Các khoản phải thu khác	157.789.749	5.828.271.748
CỘNG	136.095.922.964	90.357.767.943

(*) Thuế TNDN truy thu đã nộp theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế và quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 của Cục Thuế TP.HCM. Hiện nay Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TP.HCM, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để thống nhất số tiền được hoàn lại theo hướng dẫn của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Số đã lập dự phòng	Giá gốc	Số đã lập dự phòng
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành (*)	34.844.128.351	(24.390.889.846)	34.844.128.351	(17.422.064.286)
DNTN Thanh Tuyết	20.992.959.002	(12.036.121.016)	20.992.959.002	(7.969.721.449)
Các khách hàng khác	4.530.471.404	(3.430.388.481)	5.961.823.533	(2.687.216.562)
CỘNG	60.367.558.757	(39.857.399.343)	61.798.910.886	(28.079.002.297)

(*) Ngày 08/01/2014, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã ra quyết định số 09/2014/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận về số nợ quá hạn 34.844.128.351 đồng mà Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành nợ Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh thông qua lịch trả nợ từ nay đến 2018. Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh đã lập dự phòng dựa trên thời gian quá hạn của khoản nợ này.

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Hàng tồn kho	163.109.638	162.891.795
CỘNG	163.109.638	162.891.795

8. Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	15.154.299.656	-	6.536.382.550	-
Nguyên liệu, vật liệu	73.127.502.793	-	109.065.317.869	-
Công cụ, dụng cụ	1.055.153.171	-	990.966.986	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	123.259.017.284	-	138.506.379.397	-
Thành phẩm	71.617.468.926	-	70.414.524.274	-
Hàng hoá	48.336.567.163	-	47.988.230.021	-
CỘNG GIÁ GỐC HÀNG TỒN KHO	332.550.008.993	-	373.501.801.097	-

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm	100.639.783.182	613.414.127.599	17.451.594.724	6.373.551.937	737.879.057.442
Số tăng trong năm	86.680.667.785	52.915.843.465	4.131.935.454	1.367.755.000	145.096.201.704
- Mua sắm mới	-	52.915.843.465	4.131.935.454	1.367.755.000	58.415.533.919
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	86.680.667.785	-	-	-	86.680.667.785
Số giảm trong năm	-	4.201.565.555	297.434.820	-	4.499.000.375
- Thanh lý nhượng bán	-	4.201.565.555	297.434.820	-	4.499.000.375
Số dư cuối năm	187.320.450.967	662.128.405.509	21.286.095.358	7.741.306.937	878.476.258.771
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	73.578.386.946	474.340.622.132	12.810.984.837	3.717.609.891	564.447.603.806
Số tăng trong năm	7.787.169.230	54.428.735.676	2.145.815.420	838.906.309	65.200.626.635
- Khấu hao trong năm	7.787.169.230	54.428.735.676	2.145.815.420	838.906.309	65.200.626.635
Số giảm trong năm	-	4.153.801.884	297.434.820	-	4.451.236.704
- Thanh lý nhượng bán	-	4.153.801.884	297.434.820	-	4.451.236.704
Số dư cuối năm	81.365.556.176	524.615.555.924	14.659.365.437	4.556.516.200	625.196.993.737
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	27.061.396.236	139.073.505.467	4.640.609.887	2.655.942.046	173.431.453.636
Tại ngày cuối năm	105.954.894.791	137.512.849.585	6.626.729.921	3.184.790.737	253.279.265.034

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 374.094.841.508 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	35.996.185.657	-	35.996.185.657
Số tăng trong năm	-	424.913.800	424.913.800
- Mua sắm mới	-	424.913.800	424.913.800
Số dư cuối năm	35.996.185.657	424.913.800	36.421.099.457
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.678.387.345	-	7.678.387.345
Khấu hao trong năm	763.514.677	85.348.296	848.862.973
Số dư cuối năm	8.441.902.022	85.348.296	8.527.250.318
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	28.317.798.312	-	28.317.798.312
Tại ngày cuối năm	27.554.283.635	339.565.504	27.893.849.139

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.288.350.057	9.417.513.006
Trong đó:		
- Chi phí tư vấn triển khai CNTT và bản quyền phần mềm Oracle	9.288.350.057	8.840.450.057
- Nhà máy tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức - Long An	-	577.062.949
Mua sắm TSCĐ	203.351.700	-
CỘNG	9.491.701.757	9.417.513.006

12. Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	3.814.085.178	155.303.031
Chi phí chờ phân bổ	3.814.085.178	155.303.031
b) Dài hạn	217.366.699.750	217.366.699.750
Chi phí tiền thuê đất (*)	217.366.699.750	217.366.699.750
CỘNG	221.180.784.928	217.522.002.781

(*) Là chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức - Long An theo hợp đồng số 26/HĐNT-VL2-2010 ngày 13/09/2010. Thời hạn thuê đến năm 2060.

13. Vay và nợ thuế tài chính

13. Vay và nợ thuế tài chính		Đơn vị tính : VND	
		31/12/2015	
		Phát sinh trong kỳ	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn			
Vay ngắn hạn (*)	58.420.187.000	58.420.187.000	
CỘNG	58.420.187.000	58.420.187.000	
		30.550.000.000	27.870.000.000
		61.100.187.000	61.100.187.000

(*) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cộng thêm 10% của mức lãi suất này cùng thời điểm.

14. Phải trả người bán

14. Phải trả người bán	31/12/2015		01/01/2015		Đơn vị tính : VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ	63.332.896.000	63.332.896.000	43.206.240.000	43.206.240.000	
Phải trả cho các đối tượng khác	31.117.725.817	31.117.725.817	23.857.486.753	23.857.486.753	
CỘNG	94.450.621.817	94.450.621.817	67.063.726.753	67.063.726.753	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước

a) Thuế phải nộp

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước					Đơn vị tính : VND
a) Thuế phải nộp					
	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.478.055.755	98.210.105.498	99.810.146.613	1.878.014.640	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	25.795.337.625	25.795.337.625	-	
Thuế xuất nhập khẩu	-	497.691.701	497.691.701	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.775.088.194	168.986.287.149	151.000.133.801	42.761.241.542	
Thuế thu nhập cá nhân	76.338.025	10.162.780.244	10.069.337.001	169.781.268	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.839.553.400	2.839.553.400	-	
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	237.887.552	237.887.552	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.467.405.560	2.467.405.560	-	
CỘNG	28.329.481.974	309.197.048.730	292.717.493.253	44.809.037.451	

b) Thuế phải thu

		31/12/2015		01/01/2015	
		VND		VND	
		</			

16. Chi phí phải trả

16. Chi phí phải trả		Đơn vị tính : VND	
		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn			
Chi phí giảm giá, hỗ trợ khách hàng	104.731.061.150	20.405.596.708	20.405.596.708
Chi phí lãi vay	4.353.918.962	3.792.337.343	3.792.337.343
Chi phí thù lao HĐQT, BKS	1.625.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000
Chi phí khác	-	160.000.000	160.000.000
CỘNG		25.607.934.051	25.607.934.051

31/12/2015

01/01/2015

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Tài sản thừa chờ giải quyết	286.483.125	286.483.125	602.542.168	602.542.168
Kinh phí công đoàn	313.345.670	313.345.670	686.841.297	686.841.297
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	120.000.000	120.000.000
Cổ tức phải trả	68.568.134.300	68.568.134.300	350.414.300	350.414.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	913.000.000	913.000.000	854.250.000	854.250.000
CỘNG	70.080.963.095	70.080.963.095	2.614.047.765	2.614.047.765

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	24.588.614.173	1.878.385.368
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(862.954.559)	(917.277.366)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.725.659.614	961.108.003

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	454.784.800.000	1.592.782.700	695.092.584.571	39.404.062.173	34.983.552.000	263.215.309.431	1.489.073.090.875
- Lãi trong năm trước					376.811.604.540	376.811.604.540	376.811.604.540
- Phân phối lợi nhuận năm 2013					(259.693.339.288)	(259.693.339.288)	(259.693.339.288)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(90.956.960.000)	(90.956.960.000)	(90.956.960.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			140.679.300.521		(140.679.300.521)		-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính				7.612.039.384	(7.612.039.384)		-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(6.445.039.384)	(6.445.039.384)	(6.445.039.384)
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				10.000.000.000	(10.000.000.000)		-
+ Thuởng cho HĐQT và BKS					(3.999.999.999)	(3.999.999.999)	(3.999.999.999)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2014					(56.853.690.457)	(56.853.690.457)	(56.853.690.457)
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển			9.887.605.229		(9.887.605.229)		-
+ Tạm trích quỹ dự phòng tài chính				743.802.614	(743.802.614)		-
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(743.802.614)	(743.802.614)	(743.802.614)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(45.478.480.000)	(45.478.480.000)	(45.478.480.000)
Số dư cuối năm trước	454.784.800.000	1.592.782.700	845.659.490.321	47.759.904.171	44.983.552.000	323.479.884.226	1.718.260.413.418



a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND								
	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng			
Số dư đầu năm nay	454.784.800.000	1.592.782.700	893.419.394.492	44.983.552.000	323.479.884.226	1.718.260.413.418			
- Tăng (giảm) khác (*)			(941.230.140)		941.230.140	-			
- Lãi trong năm					518.900.521.899	518.900.521.899			
- Phân phối lợi nhuận năm 2014					(320.143.914.082)	(320.143.914.082)			
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(113.696.200.000)	(113.696.200.000)			
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			168.965.516.697		(168.965.516.697)	-			
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(33.296.197.386)	(33.296.197.386)			
+ Thuợng cho HĐQT và BKS					(3.999.999.999)	(3.999.999.999)			
+ Thù lao cho HĐQT và BKS Công ty con					(186.000.000)	(186.000.000)			
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2015			4.380.431.028		(74.788.366.541)	(74.788.366.541)			
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển					(4.380.431.028)	-			
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.190.215.513)	(2.190.215.513)			
- Chia cổ tức năm 2015					(68.217.720.000)	(68.217.720.000)			
- Giảm khác					(295.518.384)	(295.518.384)			
Số dư cuối kỳ	454.784.800.000	1.592.782.700	1.065.824.112.077	44.983.552.000	448.093.837.257	2.015.279.084.034			

(*) : Giảm quỹ đầu tư phát triển tăng lãi năm trước theo quyết định số 06/QĐ-BM/HĐQT/2015 của hội đồng quản trị về việc phân phối lợi nhuận năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	%	01/01/2015 VND	%
Vốn góp của Nhà nước	134.221.700.000	29,51%	134.221.700.000	29,51%
Vốn góp của các đối tượng khác	320.563.100.000	70,49%	320.563.100.000	70,49%
CỘNG	454.784.800.000	100,00%	454.784.800.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	454.784.800.000	454.784.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	454.784.800.000	454.784.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	181.913.920.000	136.435.440.000
Trong đó:		
+ Bằng tiền	181.913.920.000	136.435.440.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.478.480	45.478.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.478.480	45.478.480
- Cổ phiếu phổ thông	45.478.480	45.478.480
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.478.480	45.478.480
- Cổ phiếu phổ thông	45.478.480	45.478.480

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
+ USD	230.211,04	200.462,25
+ EUR	13.886,29	7.815,47
+ JPY	326.000,00	75.000,00
+ SGD	2.450,00	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.970.287.044.650	2.500.608.876.409
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	2.747.660.293.210	2.314.995.588.380
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	222.572.468.713	185.521.905.302
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.282.727	91.382.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	178.672.959.542	85.056.252.776
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	177.590.203.406	83.765.997.380
Hàng bán bị trả lại	1.082.756.136	1.290.255.396
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.791.614.085.108	2.415.552.623.633
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.584.957.121.687	2.236.303.340.421
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	206.602.680.694	179.157.900.485
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	54.282.727	91.382.727
4. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.701.993.323.062	1.575.007.476.335
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	199.890.281.095	171.450.297.530
CỘNG	1.901.883.604.157	1.746.457.773.865
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.988.177.665	26.956.207.419
Cổ tức và lợi nhuận được chia	80.000.000	100.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.400.817	100.907.487
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	191.878.655	805.430
Lãi bán ngoại tệ	61.849.366	1.882.782
CỘNG	28.435.306.503	27.159.803.118
6. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền vay	4.097.860.403	3.860.540.507
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	571.844.691	770.728.648
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	29.092.244
Chiết khấu thanh toán	24.933.321.768	15.655.978.342
Lỗ bán ngoại tệ	422.422	294.725
CỘNG	29.603.449.284	20.316.634.466

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	28.821.882.021	22.602.761.988
Chi phí vật liệu, bao bì	2.397.730.416	3.886.791.336
Chi phí khấu hao TSCĐ	577.975.850	281.113.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.679.849.795	48.715.460.089
Chi phí bằng tiền khác	35.460.693.786	48.153.569.015
CỘNG	125.938.131.868	123.639.695.429

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Chi phí nhân viên quản lý	31.226.434.012	27.694.674.006
Chi phí vật liệu quản lý	21.009.642.292	7.316.479.125
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.713.914	9.588.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.880.996.275	4.193.987.301
Thuế, phí và lệ phí	347.341.461	459.181.298
Chi phí dự phòng	12.032.546.077	16.301.900.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.013.768.536	4.682.217.582
Chi phí bằng tiền khác	18.481.035.747	12.591.494.308
CỘNG	95.995.478.314	73.249.521.841

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	266.853.329	-
Xử lý chênh lệch kiểm kê	403.377.984	119.119.935
Bán phế liệu	1.296.151.650	446.147.491
Các khoản khác	461.659.113	718.981.441
CỘNG	2.428.042.076	1.284.248.867

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý chênh lệch kiểm kê	71.791.042	31.625.971
Phạt vi phạm hành chính về thuế	3.976.359.703	-
Các khoản khác	382.364.266	2.394.488
CỘNG	4.430.515.011	34.020.459

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Công ty mẹ: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty con:
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và trong các năm tiếp theo áp dụng theo quy định hiện hành.
 - Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.
 - Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	168.986.287.149	104.185.046.541

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	598.315.859	917.277.366
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(23.362.867.470)	(817.315.558)
CỘNG	(22.764.551.611)	99.961.807

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	518.900.521.899	376.811.604.540
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	518.900.521.899	376.811.604.540
Cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm	45.478.480	45.478.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.410	8.285

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.473.102.914.972	1.373.595.922.931
Chi phí nhân công	167.247.349.892	136.239.358.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.049.489.608	70.611.472.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.428.702.071	100.599.931.673
Chi phí khác bằng tiền	67.145.866.925	76.626.375.675
CỘNG	1.910.974.323.468	1.757.673.062.106

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	11.269.384.821	9.878.489.404

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	370.744.808.359	243.691.456.593	370.744.808.359	243.691.456.593
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	670.000.000.000	460.000.000.000	670.000.000.000	460.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	443.500.746.248	359.587.713.597	443.500.746.248	359.587.713.597
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400
CỘNG	1.486.439.505.007	1.065.473.120.590	1.486.439.505.007	1.065.473.120.590
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	61.100.187.000	58.420.187.000	61.100.187.000	58.420.187.000
Phải trả người bán và phải trả khác	163.931.756.117	68.388.391.053	163.931.756.117	68.388.391.053
Chi phí phải trả	110.709.980.112	25.607.934.051	110.709.980.112	25.607.934.051
CỘNG	335.741.923.229	152.416.512.104	335.741.923.229	152.416.512.104

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2014 và vào ngày 31/12/2015 . Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác là sổ đỏ vào ngày 31/12/2014 và vào ngày 31/12/2015 theo biên bản thẩm định giá lần lượt là 239.988.400.000 đồng và 251.467.300.000 đồng để đảm bảo cho việc mua hàng hóa chưa phải thanh toán ngay thời điểm nhập hàng hóa.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	335.741.923.229	-	335.741.923.229
Các khoản vay	61.100.187.000	-	61.100.187.000
Phải trả người bán	94.450.621.817	-	94.450.621.817
Phải trả khác	69.481.134.300	-	69.481.134.300
Chi phí phải trả	110.709.980.112	-	110.709.980.112
Số đầu năm	152.416.512.104	-	152.416.512.104
Các khoản vay	58.420.187.000	-	58.420.187.000
Phải trả người bán	67.063.726.753	-	67.063.726.753
Phải trả khác	1.324.664.300	-	1.324.664.300
Chi phí phải trả	25.607.934.051	-	25.607.934.051

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 (Tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số liệu tại ngày 31/12/2014	Số liệu tại ngày 01/01/2015	Chênh lệch
Các khoản phải thu ngắn hạn	393.973.342.137	406.997.482.675	13.024.140.538
- Các khoản phải thu khác	77.496.519.200	90.357.767.943	12.861.248.743
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	162.891.795	162.891.795
Tài sản ngắn hạn khác	14.801.382.324	1.777.241.786	(13.024.140.538)
- Tài sản ngắn hạn khác	13.024.140.538	-	(13.024.140.538)
Tài sản cố định	211.166.764.954	201.749.251.948	(9.417.513.006)
Tài sản dở dang dài hạn		9.417.513.006	9.417.513.006
Vốn chủ sở hữu	1.718.260.413.418	1.718.260.413.418	-
- Quỹ đầu tư phát triển	845.659.490.321	893.419.394.492	47.759.904.171
- Quỹ dự phòng tài chính	47.759.904.171	-	(47.759.904.171)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2015, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
LÀ YẾU TỐ HÀNG ĐẦU CỦA NHỰA BÌNH MINH

130 | TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

138 | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững đã được Công ty đề cập trong chiến lược lâu dài của mình thể hiện qua việc xác định tầm nhìn và sứ mệnh của doanh nghiệp năm 2009. Trong các năm tiếp theo, báo cáo về phát triển bền vững luôn được tích hợp trong báo cáo thường niên của Công ty.

Năm 2015 là năm đầu tiên Nhựa Bình Minh thực hiện báo cáo tích hợp này theo tài liệu Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững do Ủy ban chứng khoán Nhà nước phối hợp với Tổ chức IFC phát hành

và có tham khảo theo tiêu chuẩn công bố thông tin GRI - G4.

KỲ BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững được lập theo hướng tích hợp định kỳ hằng năm, có cùng niên độ với Báo cáo thường niên của Công ty.

PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Báo cáo này được lập cho Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc là công ty con 100% vốn của BMP.

CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty xác định các lĩnh vực trọng yếu của mình bao gồm các lĩnh vực về: Môi trường, kinh tế và xã hội.

Trong đó:

Lĩnh vực môi trường bao gồm các hoạt động chính

- Sử dụng năng lượng điện, nước.
- Kiểm soát chất thải.
- Cải thiện môi trường làm việc.

Lĩnh vực kinh tế bao gồm

- Hiệu quả hoạt động kinh tế của Doanh nghiệp.
- Thực hiện chính sách thuế đối với Nhà nước.
- Lợi ích cho cổ đông.

Lĩnh vực xã hội bao gồm

- Trách nhiệm đối với sản phẩm.
- Chính sách đối với người lao động và việc làm bền vững.
- Các hoạt động công tác xã hội.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Việc thu thập các thông tin đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan để từ đó xây dựng chiến lược phát triển bền vững, đưa ra các cam kết, cũng như thu thập thông tin để xây dựng nội dung báo cáo được Công ty thực hiện như sau:

Khách hàng và người tiêu dùng: Thông qua việc khảo sát ý kiến của người tiêu dùng tại các kỳ hội chợ, ghi nhận ý kiến từ các cửa hàng bán sản phẩm, ý kiến đánh giá của bên thứ 3 và các ý kiến phản hồi trực tiếp của khách hàng đến Công ty.

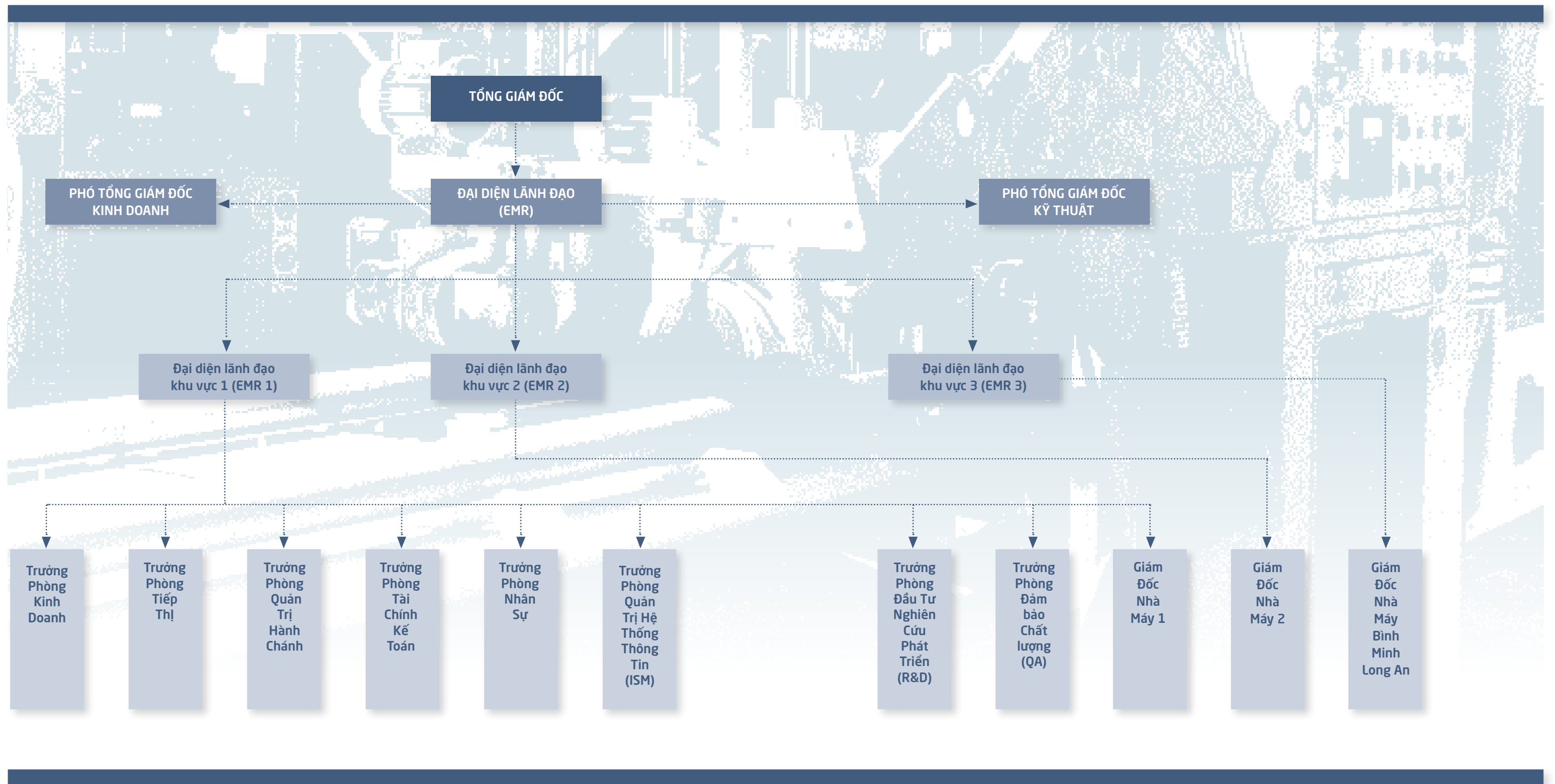
Doanh nghiệp và Người lao động: Thông qua việc triển khai kế hoạch hằng năm, các báo cáo hằng năm về các chuyên đề cụ thể. Thông qua phản ánh trực tiếp của người lao động với lãnh đạo Công ty hoặc qua tổ chức Công đoàn.

Cổ đông: Thông qua các buổi tiếp xúc gặp gỡ định kỳ của Công ty với các cổ đông lớn, các nhà đầu tư. Ý kiến tại ĐHĐCĐ mỗi năm hoặc ý kiến trực tiếp đối với HĐQT Công ty.

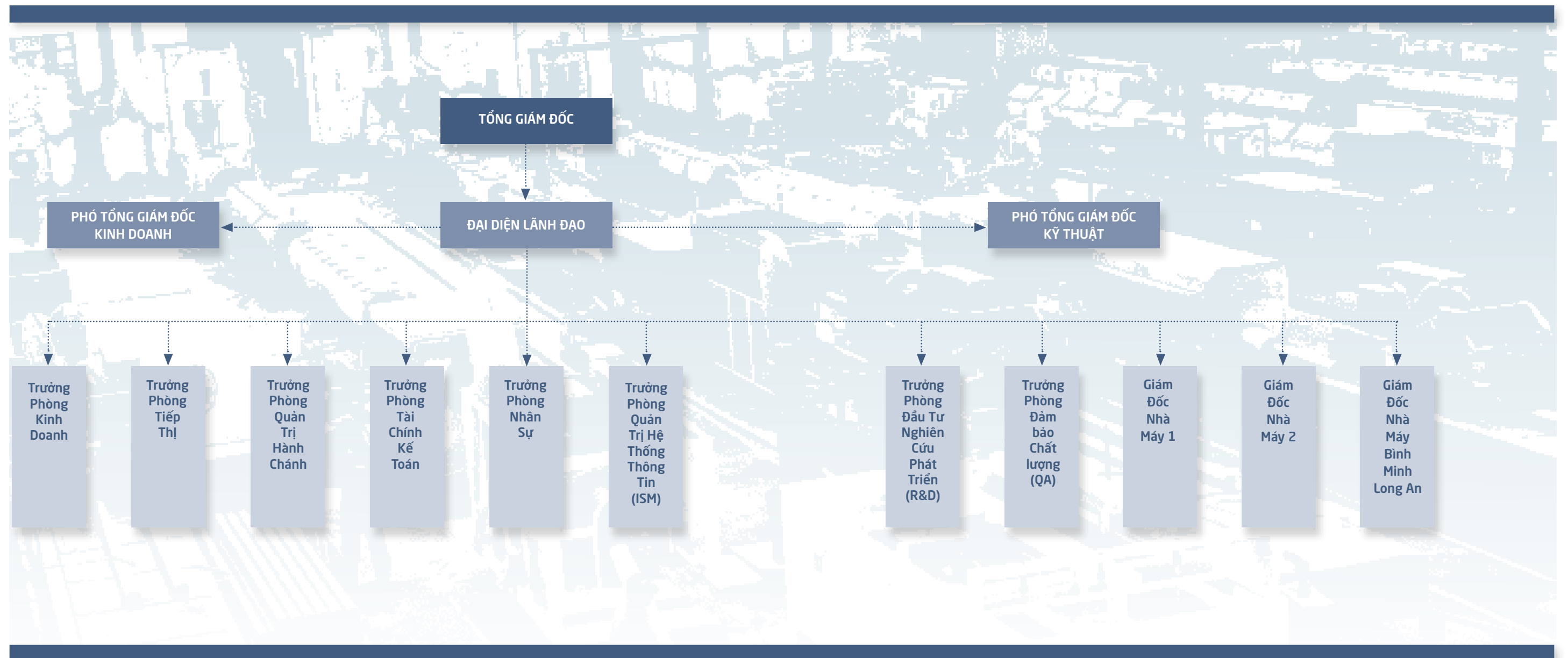
Các cơ quan quản lý Nhà nước và địa phương: Thông qua các buổi kiểm tra định kỳ và đột xuất hằng năm của các cơ quan chức năng. Thông qua các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng được tổ chức tại địa phương.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG - ISO 14001:2004



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2008



CAM KẾT VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN



Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh với định hướng phát triển các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường để tạo dựng và khẳng định hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với tự nhiên, với cộng đồng và tiếp tục phát triển bền vững.

KHÁCH HÀNG

- Đảm bảo cung cấp cho thị trường các sản phẩm chất lượng cao với giá cả hợp lý.
- Cung cấp các dịch vụ chu đáo cho khách hàng.

CỔ ĐÔNG

- Cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch.
- Đảm bảo các khoản đầu tư của cổ đông được sinh lời.

NHÂN VIÊN

- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, ngày càng xanh sạch, đẹp.

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong lĩnh vực hoạt động.
- Thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ về thuế.

CỘNG ĐỒNG

- Chung tay cùng chính quyền địa phương, các tổ chức và đoàn thể chia sẻ các giá trị và xây dựng cộng đồng cùng phát triển.

CAM KẾT VÀ CHÍNH SÁCH VỀ MÔI TRƯỜNG

Để cụ thể hóa cam kết về môi trường và phát triển bền vững của mình, Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, được QUACERT đánh giá chứng nhận liên tục từ năm 2011 đến nay.

CAM KẾT

1. Tuân thủ các yêu cầu pháp luật và các quy định liên quan đến môi trường.
2. Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và chú trọng các hoạt động bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu các tác động ảnh hưởng bất lợi đến môi trường theo Chiến lược quốc gia 3R "Giảm thiểu - Tái sử dụng - Tái chế chất thải".

THÔNG QUA

1. Đào tạo người lao động thấu hiểu và vận động mọi người tham gia các hoạt động vì môi trường.
2. Thực hiện, duy trì và liên tục cải tiến các hệ thống quản lý chất lượng (QMS) và quản lý môi trường (EMS).
3. Chủ động thực hiện trong Công ty và góp sức thực hiện ngoài cộng đồng những cam kết trên.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ BÁO CÁO**

Các ý kiến đóng góp cho báo cáo hoặc những câu hỏi liên quan đến báo cáo xin vui lòng liên hệ :

Ông Nguyễn Thanh Hải

Trưởng phòng Tiếp thị

Điện thoại : 84 238 969 0973

ĐD : 0983 33 25 33

Địa chỉ : 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Tp. HCM

E-mail : nthai@binhminhplastic.com.vn

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Báo cáo về hoạt động môi trường.

Tiết kiệm năng lượng điện

Công ty đã tiến hành đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ CBCNV. Ngay từ đầu năm Công ty đã lập kế hoạch, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm suất tiêu thụ điện năng như sau:

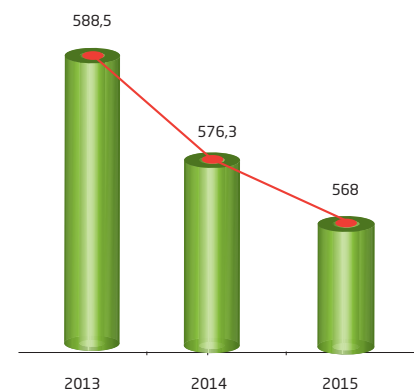
- Kiểm toán năng lượng tại các khu vực.
- Đánh giá suất tiêu hao điện các máy nhỏ, trung, lớn và các cỡ ống, nhằm xây dựng, kế hoạch sản xuất phù hợp, giảm suất tiêu hao điện.
- Lắp đặt thiết bị đo đếm và triển khai ghi nhận số liệu để có cơ sở tách riêng số liệu suất tiêu hao cho từng nhóm sản phẩm: phụ tùng, bình xịt, keo dán... thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp để tiết kiệm điện.
- Lắp biến tần và servo cho động cơ chính thiết bị sản xuất.

- Đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ servo tiết kiệm điện.

- Kiểm soát máy làm lạnh nước các hồ tuần hoàn trong quá trình sản xuất.

Quá trình thực hiện được ghi nhận, xem xét phân tích và đánh giá so sánh theo định kỳ. Kết quả thực hiện được trong năm 2015 so với các năm trước như sau:

TỶ SUẤT TIÊU THỤ ĐIỆN
(Kwh/tấn)



Năm	2013	2014	2015
Sản lượng sản xuất (Tấn):	50.514	59.137	69.711
Lượng điện tiêu thụ (1.000 Kwh):	29.730	34.078	39.593
Tỷ suất tiêu thụ điện (Kwh/Tấn)	588,5	576,3	568,0

Với các giải pháp thực hiện đồng bộ nêu trên, tỷ suất tiêu thụ điện năng bình quân liên tục giảm từ năm 2013 đến năm 2015. Năm 2015, tiết giảm được hơn 578.600 Kwh, tương ứng với số tiền tiết kiệm được hơn: 914.189.000 đồng.

Tỷ suất tiêu thụ điện năng

TIẾT GIẢM ĐƯỢC HƠN
578.600 Kwh
TIẾT KIỆM ĐƯỢC HƠN
914.189.000 đồng

Tiết kiệm nước

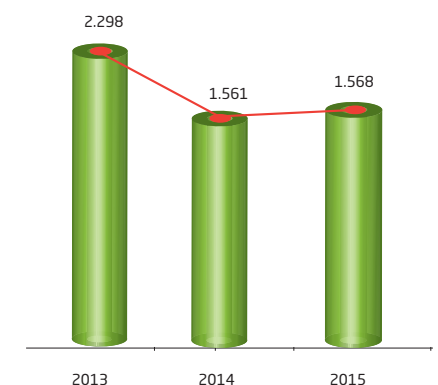
Nguồn nước được Công ty sử dụng cho mục đích chính là giải nhiệt cho thiết bị và sản phẩm và 100% là nước thủy cục, lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng lại nhằm tiết kiệm tối đa lượng nước sử dụng.

Một số giải pháp nhằm tiết kiệm lượng nước sử dụng như sau:

- Lập các sơ đồ hệ thống nước cấp cho từng khu vực.
- Lắp đặt các đồng hồ đo, van đóng mở tổng nhằm kiểm soát lượng nước tiêu thụ theo mục đích sử dụng và theo từng khu vực.

- Ghi nhận và phân tích số liệu trên các thiết bị đo nhằm phát hiện ra các trường hợp thất thoát nước và tiến hành khắc phục.

TỶ SUẤT TIÊU THỤ NƯỚC
(m³/tấn)



Năm	2013	2014	2015
Sản lượng sản xuất (tấn):	50,514	59,137	69,711
Lượng nước tiêu thụ (m3):	116,082	92,320	109,324
Tỷ suất tiêu thụ nước (m3/tấn)	2.298	1.561	1.568

Các giải pháp này đã mang lại hiệu quả cao trong năm 2014, tỷ suất tiêu thụ nước theo sản lượng của toàn Công ty bình quân đã tiết giảm được khoảng hơn 32% so với 2013. Tuy nhiên, năm 2015 tỷ suất nước tiêu thụ tăng nhẹ 0,44% do một số nguyên nhân như sau:

- Các giải pháp đã thực hiện trong các năm 2013-2014 đã giúp cho lượng nước tiêu thụ năm 2015 tại Công ty gần như tối ưu.
- Các hoạt động di dời sắp xếp lại thiết bị sản xuất, xây dựng, lắp đặt thiết bị, sản xuất thử nghiệm tại nhà máy mới Bình Minh Long An... trong năm 2015 đã tiêu thụ lượng nước đáng kể và cũng được tính vào lượng nước tiêu thụ của toàn Công ty

Xử lý nước thải

Nước thải phát sinh của Công ty bao gồm: nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn, được thực hiện xử lý như sau:

- Tại Khu vực 1 - Số 240 đường Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh: Hệ thống nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua hệ thống xử lý bằng vi sinh để đạt các kết quả theo quy định QCVN 14:2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt) trước khi vào hệ thống nước thải chung của Thành phố.

- Tại Nhà máy 2 (KCN Sóng thần - Bình Dương); Nhà máy Bình Minh Long An (KCN Vĩnh Lộc 2 - Long An) và Nhựa Bình Minh Miền Bắc (KCN Phố mới A - Hưng Yên): Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải trung tâm của các khu công nghiệp và xử lý theo quy định của khu công nghiệp.

Toàn bộ lượng nước thải tại các khu vực được đo đạc, kiểm soát và giám sát theo định kỳ 6 tháng/lần với tổng chi phí thực hiện hơn 50 triệu đồng/năm.

Xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn tại Công ty được phân làm 4 loại như sau: Chất thải sinh hoạt; chất thải tái chế; chất thải nguy hại; chất thải y tế.

Công ty đã thực hiện đào tạo về việc phân loại rác thải cho toàn thể CBCNV, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường, lắp đặt các thùng rác tại khu vực để thực hiện phân loại rác tại nguồn.

Các chất thải được các đơn vị thu gom theo định kỳ và chuyển về nơi xử lý theo pháp luật quy định. Trong năm 2015 không phát sinh bất kỳ một vụ tràn chất thải nào. Tổng chi phí xử lý chất thải năm 2015 là 259 triệu đồng.

Môi trường làm việc

Ý thức được môi trường làm việc có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và tâm lý của người lao động nên Công ty đã lập bảng phân loại các khía cạnh môi trường có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường làm việc của người lao động. Từ đó tiến hành giám sát, đánh giá định kỳ để có các biện pháp khắc phục, cải tạo ngay những điểm chưa đạt, chưa hợp lý nhằm mang tới môi trường làm việc xanh sạch đẹp cho người lao động trong Công ty. Tổng chi phí dành cho hoạt động môi trường của năm 2015 là 2.034,1 triệu đồng. Trong đó chi phí dành cho cải tạo môi trường làm việc: 1.534 triệu đồng.

Các hoạt động cải thiện môi trường đã thực hiện

Đối với bụi phát sinh từ quá trình sản xuất:

- Tập trung các khâu sản xuất sinh ra bụi vào một khu vực nhất định, các điểm phát sinh nhiều bụi được bao phủ, che chắn để hạn chế bụi phát tán ra xung quanh.
- Lắp đặt thiết bị thu gom bụi tự động tại khu vực trộn bột.
- Đầu tư và lắp đặt hệ thống cấp liệu tự động, dây chuyển khép kín từ nguyên liệu đến bột sau trộn, hạn chế tối đa bụi phát tán ra ngoài.
- Trang bị khẩu trang chống bụi chuyên dụng cho công nhân khi làm việc trong khu vực sản xuất có phát sinh ra bụi.

Đối với khí thải từ quá trình sản xuất

- Hệ thống không khí tại các khu vực có phát sinh khí thải (trộn keo) được làm tươi liên tục bằng hệ thống thông gió bằng quạt hút.

- Trang bị cho công nhân làm việc tại các khu vực này khẩu trang chuyên dụng để bảo hộ trong quá trình làm việc.

Đối với khí thải từ máy phát điện và khí thải từ các phương tiện giao thông

- Hệ thống máy phát điện được đặt trong phòng kín có cách âm và ngăn bụi, chỉ hoạt động khi hệ thống điện lưới bị mất điện. Khí thải được thải thông qua ống khói cao đến 16m nên không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm trong Công ty chủ yếu là xe nâng hàng và xe tải nhỏ, số lượng không nhiều, chủ yếu sử dụng nhiên liệu là xăng nên khí thải và bụi phát sinh ô nhiễm rất thấp.
- Ngoài ra, mặt đường nội bộ trong khuôn viên Công ty đều được bê tông hóa, thường xuyên quét dọn nên khả năng sinh và phát tán bụi rất thấp, không ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh.

Đối với sự thông thoáng và nhiệt độ

- Xây dựng, bố trí sắp xếp lại nhà xưởng khoa học, sử dụng vật liệu chống nóng, đảm bảo nhiệt độ và sự thông thoáng cần thiết.
- Lắp đặt các thiết bị thông gió trên mái nhà xưởng, đồng thời trang bị thêm các quạt thông gió tại các nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng thông thoáng, làm giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất.

Đối với độ rung, tiếng ồn

- Bố trí cách ly khu vực sản xuất có nhiều tiếng ồn.

- Thực hiện các giải pháp giảm tiếng ồn như: lắp các tấm cách âm, lắp đặt các bộ đỡ để giảm ồn, giảm rung cho các máy móc,...
 - Bảo trì thiết bị máy móc đúng theo kế hoạch, đảm bảo tình trạng luôn hoạt động ở mức tốt nhất nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.
 - Trang bị các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...) cho người lao động.
- Tự động hóa đến mức tối đa các khâu sản xuất phát sinh tiếng ồn cường độ lớn nhằm giảm thời gian và số người tiếp xúc với môi trường khó chịu này.
- Các giải pháp kiểm soát bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu luôn được thực hiện và đo đạc định kỳ hằng năm. Kết quả đo đạc bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu luôn đạt các yêu cầu theo quy định: 3733/2002/QĐ-BYT do Bộ Y tế ban hành.

NHÀ MÁY 1 - 240 HẬU GIANG, P.9, Q.6, TP. HCM

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

Thông số đo	Kết quả đo tại Công ty			Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002
	2013	2014	2015	
Cường độ ồn (dBA)	76	76	76	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	30.5	30	28.8	≤ 32
Độ ẩm (%)	68.4	79.4	72.8	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

Thông số đo	Kết quả đo tại Công ty			Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002
	2013	2014	2015	
Bụi (mg/m³)	0.41	0.46	0.48	≤ 6
CO (mg/m³)	4.35	6.91	5.22	≤ 20
SO ₂ (mg/m³)	0.112	0.067	0.06	≤ 5
NO ₂ (mg/m³)	0.097	0.03	0.035	≤ 5
VOC (mg/m³)	9.3			≤ 200



NHÀ MÁY 2 - SỐ 7 ĐƯỜNG SỐ 2, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

Thông số đo	Kết quả đo tại Công ty			Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002
	2013	2014	2015	
Cường độ ồn (dBA)	81	76	84	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	30.2	30.2	31.8	≤ 32
Độ ẩm (%)	-	80	69.9	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

Thông số đo	Kết quả đo tại Công ty			Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002
	2013	2014	2015	
Bụi (mg/m³)	0.42	0.47	0.41	≤ 6
CO (mg/m³)	5.16	3.28	4.05	≤ 20
SO ₂ (mg/m³)	0.05	0.07	0.1	≤ 5
NO ₂ (mg/m³)	0.03	0.05	0.08	≤ 5

(Nguồn: kết quả đo kiểm môi trường của Trung tâm y tế môi trường – Bộ Công Thương)

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC – ĐƯỜNG D1, KHU D, KCN PHỐ
NỔI A, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

Thông số đo	Kết quả đo tại Công ty			Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002
	2013	2014	2015	
Cường độ ồn (dBA)	80,4	80,4	79,0	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	20,9	16,6	25,8	≤ 32
Độ ẩm (%)	40,3	56,5	82,6	≤ 80

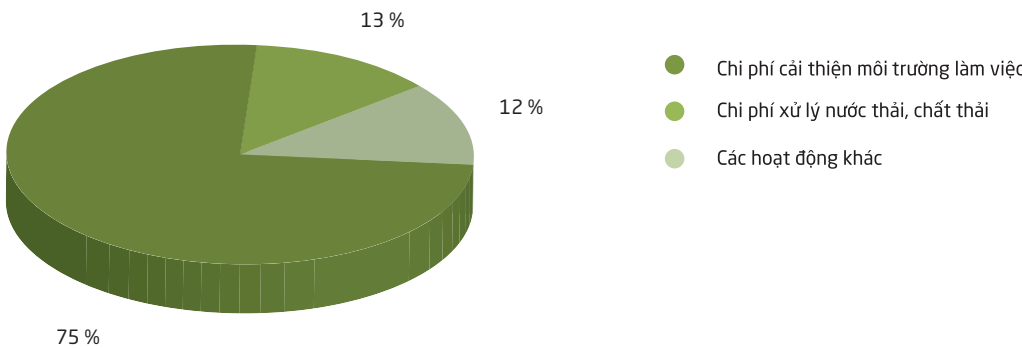
Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

Thông số đo	Kết quả đo tại Công ty			Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002
	2013	2014	2015	
Bụi (mg/m³)	0,381	0,356	0,347	≤ 6
CO (mg/m³)	0,440	0,633	0,641	≤ 20
SO₂ (mg/m³)	0,125	0,117	0,149	≤ 5
NO₂ (mg/m³)	0,038	0,034	0,037	≤ 5

(Nguồn: Kết quả đo kiểm môi trường của Trạm quan trắc và phân tích môi trường)

Tổng chi phí dành cho hoạt động môi trường của năm 2015 là 2.034,1 triệu đồng. Trong đó phí dành cho cải tạo môi trường làm việc : 1.534 triệu đồng; Chi phí xử lý chất thải : 259,5 triệu đồng; Chi khác : 241 triệu đồng.

BIỂU ĐỒ PHÂN BỐ CHI PHÍ DÀNH CHO HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG



2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Công ty luôn đạt hiệu quả kinh tế cao so với các đơn vị cùng ngành trong nhiều năm qua. Hiệu quả hoạt động kinh tế được thể hiện qua các giá trị mang lại cho các bên liên quan như sau:

- Lợi nhuận năm 2015: 665 tỷ đồng đạt tỷ suất lợi nhuận/doanh số 22,4%, cao nhất so với các đơn vị cùng ngành đang niêm yết.
- Tiền nộp ngân sách cho nhà nước: 242 tỷ đồng.

- Tiền cổ tức thực chi cho cổ đông năm 2015: 182 tỷ đồng.
- Tổng quỹ lương năm 2015: 172,5 tỷ đồng.

Công ty là một trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất Việt Nam năm 2015. Bên cạnh đó Công ty còn tích cực đóng góp cho các hoạt động xã hội tại địa phương và cả nước với giá trị 1.174 triệu đồng (xem thêm phần hoạt động xã hội).





CHỨNG TỎ SỨC BỀN
khả năng định thể vững

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Một doanh nghiệp muốn phát triển bền vững thì phải được xã hội thừa nhận, đồng thời sự phát triển của doanh nghiệp phải đồng hành với sự phát triển chung của cộng đồng xã hội tại đó. Nhựa Bình Minh mong muốn được đồng hành và phát triển cùng xã hội như một doanh nghiệp thân thiện và có trách nhiệm với xã hội.

a. Trách nhiệm đối với sản phẩm

“ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM LÀ YẾU TỐ HÀNG ĐẦU CỦA NHỰA BÌNH MINH. ĐÂY LÀ ĐIỀU QUAN TRỌNG NHẤT ĐÃ TẠO NÊN THƯƠNG HIỆU NHỰA BÌNH MINH TRONG SUỐT 39 NĂM HOẠT ĐỘNG ”

Trách nhiệm của Nhựa Bình Minh đối với sản phẩm được thể hiện qua 2 tiêu chí: Đảm bảo chất lượng sản phẩm bao gồm an toàn sức khỏe đối với người tiêu dùng và cộng đồng, thông tin sản phẩm đầy đủ trung thực.

Đảm bảo chất lượng sản phẩm bao gồm an toàn đối với người tiêu dùng và cộng đồng

Trong quá trình sản xuất, sản phẩm Nhựa Bình Minh luôn được Quacert, Quatest 3 đánh giá, giám sát và chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn. Đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn đối với người tiêu dùng và cộng đồng. Các tiêu chuẩn đang được áp dụng như sau:

- ISO 1452:2009 / TCVN 8491: 2011 đối với ống và phụ tùng ống uPVC.
- ISO 4427:2007 / TCVN 7305:2008 đối với ống và phụ tùng ống HDPE.
- ISO 15874-2:2003 đối với ống PP-R.
- DIN 8077:2007/DIN 8078:2007 đối với ống PP-R.
- ISO 4437:2007 đối với ống HDPE dẫn gas.
- QCVN 16:2014/BXD đối với ống uPVC.

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, Nhựa Bình Minh thực hiện quá trình kiểm soát nghiêm ngặt từ chất lượng nguyên liệu đầu, kiểm soát trong quá trình sản xuất và kiểm soát sản phẩm sau cùng. Tất cả các quá trình này đều tuân thủ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 mà Công ty đã xây dựng và áp dụng từ năm 2000 đến nay.

Nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu cho sản xuất ống và phụ kiện được lấy từ nguồn các nhà cung cấp uy tín hàng đầu trong và ngoài nước như Borouge, Sabic, TPC Vina, Sun Ace...

Các lô nguyên liệu khi nhập vào Nhựa Bình Minh đều phải có giấy chứng nhận chất lượng về các chỉ tiêu hóa lý, sau đó phải được kiểm tra chất lượng một lần nữa tại phòng thí nghiệm của Nhựa Bình Minh trước khi đưa vào sản xuất.

Các lô nguyên liệu có nghi ngờ không đạt yêu cầu chất lượng đều được cách ly và đối trả với nhà sản xuất.



Sản phẩm đầu ra

Sản phẩm trước khi được xuất xưởng sẽ trải qua 2 lần kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng theo các tiêu chuẩn quy định:

1. Kiểm tra trong quá trình sản xuất.
2. Kiểm tra thử nghiệm sản phẩm sau cùng.

Các chỉ tiêu cơ lý hóa của sản phẩm đều được thực hiện kiểm tra thử nghiệm tại phòng thử nghiệm của Nhựa Bình Minh trước khi đến tay khách hàng.

Bên cạnh đó, các sản phẩm của Nhựa Bình Minh đều được kiểm tra định kỳ độc lập tại các trung tâm thử nghiệm Quốc gia như: Trung tâm Kỹ thuật đo lường & chất lượng 1 (tại Hà Nội) và Trung tâm Kỹ thuật đo lường & chất lượng 3 (tại TP. HCM) về các chỉ tiêu cơ lý cũng như các

chỉ tiêu liên quan đến an toàn sức khỏe người sử dụng.

Xử lý phản hồi, khiếu nại khách hàng

Nhựa Bình Minh luôn xem các phản hồi, khiếu nại của khách hàng là sự quan tâm của khách hàng dành cho mình, là một trong những nguồn thông tin quý giá để Nhựa Bình Minh liên tục cải tiến và hoàn thiện chính mình.

Trên cơ sở đó, Nhựa Bình Minh đã thiết lập và duy trì các kênh thông tin trực tiếp tại các cửa hàng đại lý hoặc qua email, điện thoại để tiếp nhận tất cả ý kiến, phản hồi của khách hàng, đặc biệt đối với vấn đề chất lượng sản phẩm. Tất cả khiếu nại của khách hàng được Nhựa Bình Minh ghi nhận và trao đổi, giải quyết với khách hàng trên quan điểm thỏa mãn khách hàng và hoạt động của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.



Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm

STT	TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ
1	Tỷ lệ các sản phẩm không sử dụng hóa chất không an toàn cho sức khỏe/ Tổng sản phẩm	100%
2	Nhà máy có chứng nhận về ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004	100%
3	Số vụ vi phạm về nhãn hiệu, công bố thông tin sản phẩm	0
4	Số vụ phải thu hồi sản phẩm do không đảm bảo chất lượng	0
5	Tổng sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời	0
6	Tổng sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhận	0
7	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp	0
8	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị	0
9	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng	0
10	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm và dịch vụ	0

Cung cấp thông tin về sản phẩm đầy đủ và trung thực

Thông tin trên nhãn, bao bì và trên chữ in sản phẩm của Nhựa Bình Minh đảm bảo tuân thủ luật pháp và đầy đủ thông tin cho quyết định mua hàng của khách hàng. Các thông tin bao gồm: các thông tin về

Công ty (Logo, thương hiệu, địa chỉ sản xuất...); tên sản phẩm; vật liệu chế tạo; các thông số kỹ thuật của sản phẩm, công dụng sản phẩm và các khuyến cáo.

Những thông tin này còn phục vụ công việc xác định nguồn gốc sản phẩm khi có ý kiến khiếu nại của khách hàng.

b. Chính sách đối với người lao động và việc làm bền vững

“ CON NGƯỜI CHÍNH LÀ TÀI SẢN QUAN TRỌNG NHẤT ”

mà một doanh nghiệp có được. Sự thành công của doanh nghiệp phụ thuộc vào tính hiệu quả của việc quản trị nhân lực. Ý thức được điều này, Nhựa Bình Minh không ngừng đầu tư để phát triển nguồn nhân lực của mình trong suốt những năm qua.

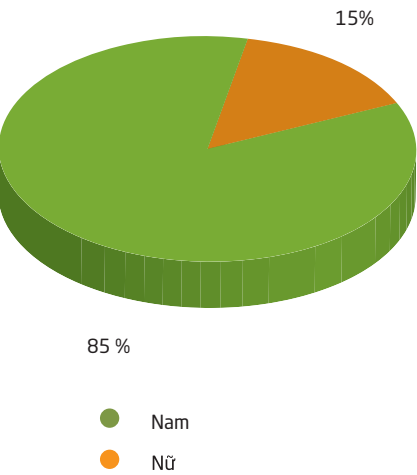
Trong năm 2015 Công ty đã tuyển dụng thêm 17 CBCNV đáp ứng cho nhu cầu phát triển và mở rộng sản xuất của Công ty.

Bảng thống kê và phân bố lao động toàn Công ty

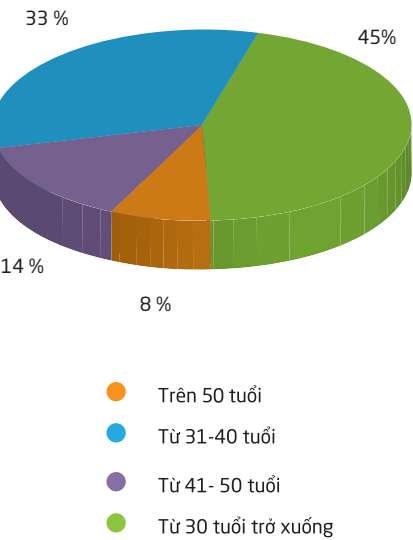
CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG	DIỄN GIẢI	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số CBCNV		560	565	700	739	756
Giới tính	Nữ	93	94	108	107	113
	Nam	467	471	592	632	643
Độ tuổi	Trên 50 tuổi	51	66	66	68	70
	Từ 41-50	108	124	124	117	120
	Từ 31-40 tuổi	223	238	239	262	276
	Từ tuổi 30 trở xuống	294	252	271	292	382
Trình độ	Cao học	5	7	9	9	9
	Đại học	105	112	123	135	139
	Trung cấp, cao đẳng	146	147	123	190	214
	Phổ thông trung học	420	141	445	405	396
Phân bố lao động	Công nhân viên	575	568	594	635	634
	Cán bộ quản lý cấp cơ sở	67	74	68	67	81
	Cán bộ quản lý cấp trung	30	34	34	33	39
	Cán bộ quản lý cấp cao	4	4	4	4	4

CƠ CẤU NGUỒN LỰC TRONG NĂM

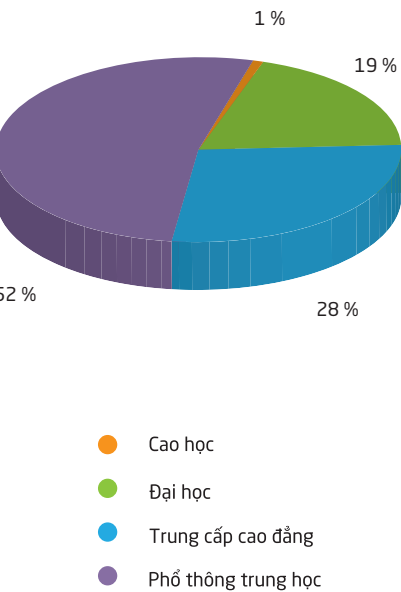
GIỚI TÍNH



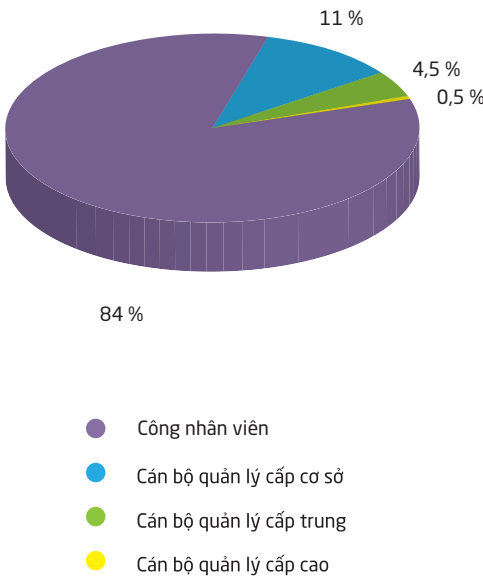
ĐỘ TUỔI



TRÌNH ĐỘ



PHÂN BỐ LAO ĐỘNG

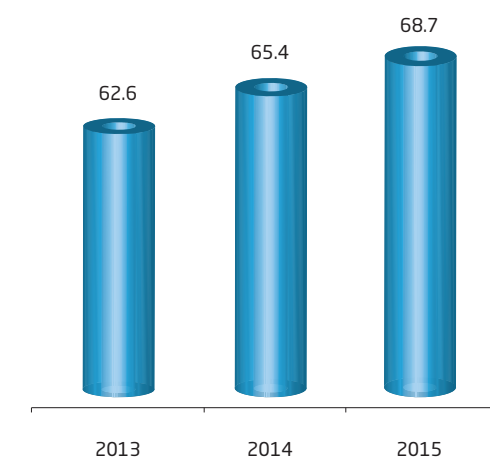




Năng suất lao động

Tỷ trọng sản lượng / người lao động của Công ty trong năm 2015 tăng 0,5% so với năm 2014. Nhựa Bình Minh cũng là đơn vị sản xuất ống nhựa có năng suất lao động cao nhất trong ngành.

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TỪ 2013 - 2015



Chính sách lương, thưởng và các chế độ phúc lợi

Công ty xây dựng đầy đủ các quy chế về lương thưởng đảm bảo công bằng hợp lý cho người lao động, không phân biệt nam hay nữ. Các chính sách về lao động đều được Công ty áp dụng có lợi cho người lao động hơn so với luật quy định. Các chế độ này được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể áp dụng cho 100% người lao động tại Công ty.

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

- Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ cho người lao động, phát hiện các biểu hiện bất thường về sức khỏe, tạo điều kiện cho người lao động mắc bệnh được chữa trị kịp thời.
 - Bên cạnh chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Nhà nước, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho 100% người lao động và bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho tất cả các cán bộ cấp cao và cấp trung.
- Tại mỗi nhà máy đều được trang bị phương tiện thăm khám, thuốc men, có y bác sỹ tư vấn sức khỏe, chăm sóc sức khỏe tại chỗ cho người lao động.
 - Bếp ăn tập thể thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của các cơ quan chức năng, đảm bảo cung cấp suất ăn ngon, đủ dinh dưỡng cho người lao động.
 - Tổng chi phí dành cho chăm sóc sức khỏe năm 2015 là 838,7 triệu đồng.

Bảng số liệu về chi phí chăm sóc sức khỏe

Chỉ tiêu đo lường	2013	2014	2015
BH sức khỏe toàn diện cho CBCC	257	304	316
Khám sức khỏe	379	446,2	501
Chích ngừa	389	310,8	21,7
Tổng cộng (triệu đồng)	1.024	1.061	838,7

Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo luôn được được chú trọng, đầu tư đúng mức về thời gian và công sức tại Công ty. Căn cứ trên nhu cầu thực tế của các bộ phận, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm cho toàn Công ty.

Công ty có các khóa đào tạo nội bộ cho CBCNV mới vào làm tại Công ty và đào tạo cán bộ quản lý cấp cơ sở. Các chuyên viên,

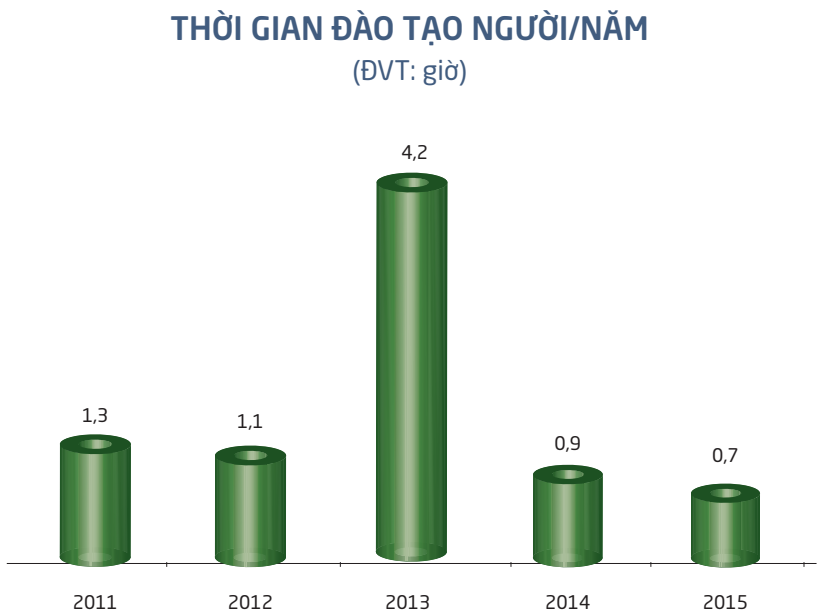
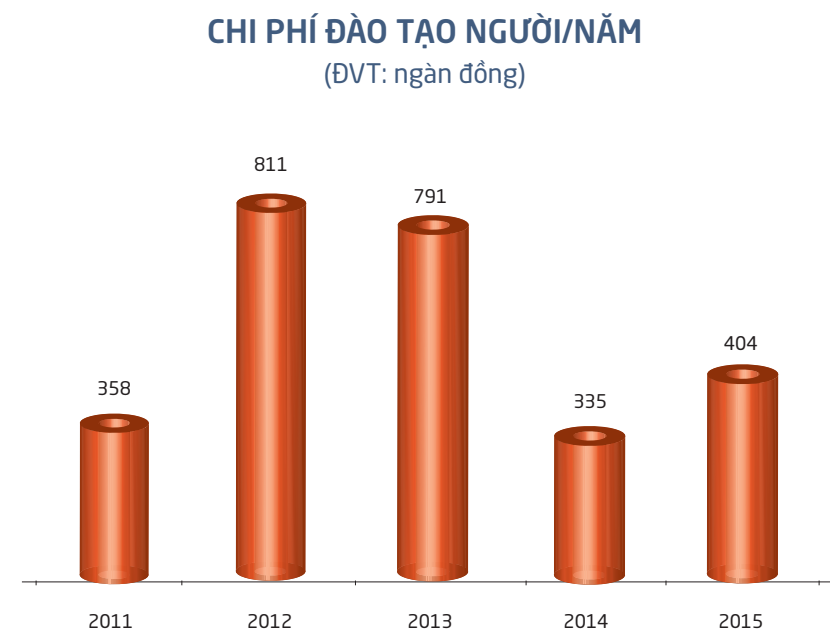
kỹ thuật và cán bộ quản lý được gửi đi học các lớp bên ngoài trong và ngoài nước. Chính nhờ công tác đào tạo tốt mà CBCNV đã phát huy được năng lực giúp nâng suất lao động tăng cao.

Bên cạnh việc đào tạo về chuyên môn, kỹ năng Công ty còn chú trọng cả đến việc đào tạo tác phong lối sống, văn hoá công sở cho người lao động.

Bảng số liệu về đào tạo

Chỉ tiêu đo lường	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
Số khoá học trong năm	Khóa	34	32	50	54	61
Tổng số giờ đào tạo	Giờ	606	410	1.700	1.800	1.400
Tổng số lượt người tham dự	Lượt	819	472	697	1.600	1.083
Tổng chi phí	Triệu	293,7	383,2	524,8	536	437

Suất chi phí đào tạo bình quân/năm



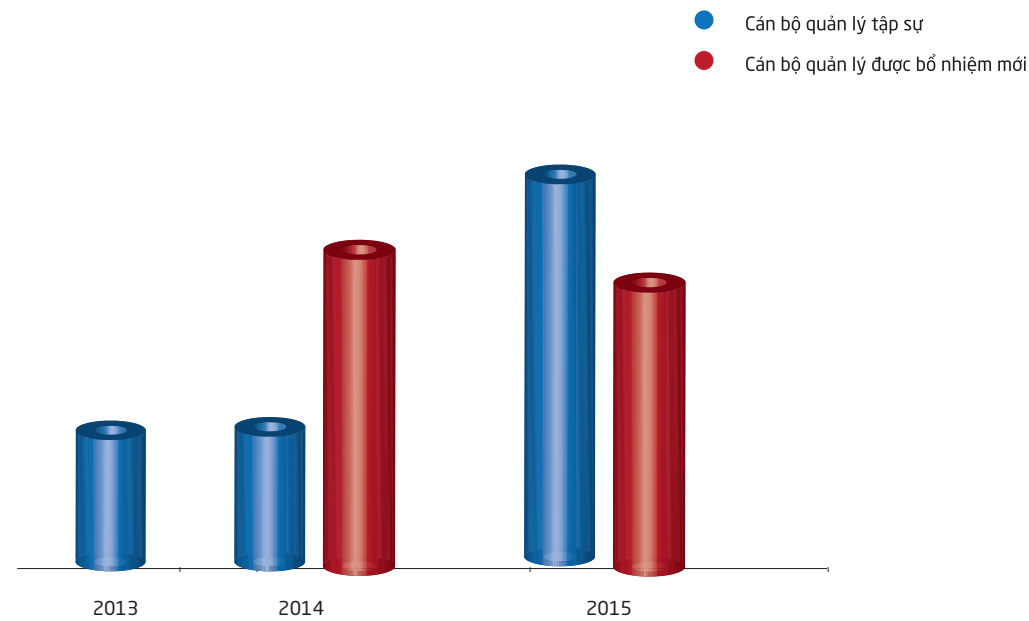
Chính sách cán bộ quản lý tập sự

Đội ngũ cán bộ quản lý có ảnh hưởng quyết định trong hoạt động và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc đào tạo phát triển tài năng và đội ngũ kế thừa luôn là mục tiêu quan trọng và dài hạn của Nhựa Bình Minh. Công ty áp dụng quy chế cán bộ quản lý tập sự từ năm 2006. Cán bộ quản lý quy hoạch được chọn lựa từ những ứng viên có tiềm năng. Các nội dung đào tạo cho đội ngũ kế cận cũng

được xây dựng phù hợp với từng vị trí và từng cấp độ, đảm bảo đội ngũ Cán bộ quản lý có đủ năng lực kế thừa cho sự phát triển trong tương lai.

Trong năm 2015 Công ty đã:

- Đánh giá và ra quyết định bổ nhiệm mới 11 cán bộ quản lý cấp trung.
- Đánh giá và ra quyết định tập sự cho 06 cán bộ quản lý cấp trung.



Chính sách tuyển dụng

Công ty có quy chế tuyển dụng với quy trình và các tiêu chuẩn tuyển dụng cụ thể cho từng vị trí.

Nguồn nhân lực chính đều được ưu tiên tuyển dụng tại địa phương. Các ứng viên có

yêu cầu cao, các nhân sự quản lý được lựa chọn từ các nhà cung ứng dịch vụ tuyển dụng lớn, uy tín đảm bảo cung cấp nguồn ứng viên tốt ngay từ ban đầu.

Công ty áp dụng chính sách ưu tiên tuyển dụng con em người lao động có trình độ và năng lực phù hợp với vị trí yêu cầu.

c. Các hoạt động xã hội

Song song với việc đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh và chăm lo đến đời sống của người lao động trong Công ty, các hoạt động Xã hội - Từ thiện cũng luôn được Công ty đặc biệt chú trọng.

- Thực hiện cuộc vận động của Đảng và Nhà nước “Chung tay vì cộng đồng”, hiện nay Công ty đang phụng dưỡng 03 Mẹ Việt Nam Anh hùng, 02 mẹ liệt sỹ và nuôi dưỡng 1 con công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Xây dựng 3 căn nhà tình thương trong năm.
- Tháng 7/2015 có 300 CBCNV và người thân tham gia chương trình “Đi bộ vì nạn nhân chất độc màu da cam và người khuyết tật nghèo” được tổ chức tại Công viên Văn hóa Đầm Sen, quận 11, Tp.HCM.
- Ủng hộ 200 triệu đồng cho Trung ương Hội chữ Thập đỏ Việt Nam.
- Trên 200 CBCNV đi bộ tuần hành cho chương trình “Thương hiệu Việt” được tổ chức tại quận 7, Tp. HCM.

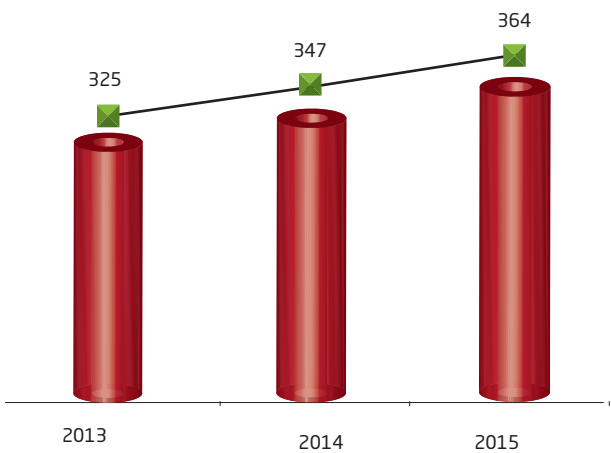
- Vận động quyên góp cứu trợ cho nhân dân các tỉnh phía Bắc bị bão lũ tàn phá.
- Ủng hộ cho trung tâm nuôi dưỡng trẻ em tàn tật “Quê Hương” tỉnh Bình Dương.
- Năm 2015 là năm thứ 12 Công ty tổ chức Ngày hội Hiến máu đã có 305 người tham dự. Trong 12 năm vừa qua từ năm 2004 - 2015 đã có hơn 2.500 lượt người tham dự.
- Hằng năm ủng hộ cho Hội thao các cháu khuyết tật Tp. HCM. Ủng hộ 2.000 cuốn tập cho con công nhân có hoàn cảnh khó khăn của TP. HCM, ủng hộ 1.500 cuốn tập cho học sinh tiểu học trường Long Sơn, tỉnh Long An.
- Nhân “Tháng Công nhân” BCH Công đoàn Công ty đến các gia đình thăm hỏi và tặng quà cho công nhân bị ốm đau dài hạn và gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, mỗi suất 5 triệu đồng.
- Tặng học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con CBCNV và tổ chức cho các cháu có thành tích xuất sắc trong học tập tham dự trại hè Thanh Đa tại Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.



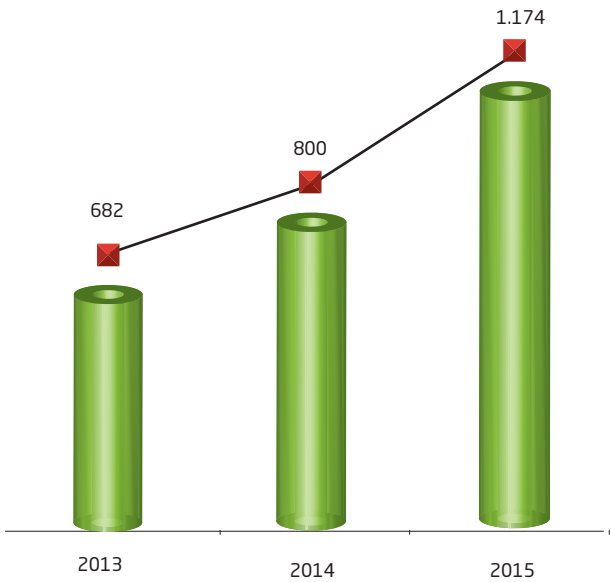
TỔNG CHI PHÍ CHO CÔNG TÁC XÃ HỘI,
TỪ THIÊN NĂM 2015

1.174 TRIỆU ĐỒNG

SỐ NGƯỜI THAM GIA HIẾN MÁU
TỪ NĂM 2013 - 2015



CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI
TỪ NĂM 2013 - 2015



BẢNG THAM CHIẾU NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI CHUẨN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA GRI

HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THAM CHIẾU/TRẢ LỜI TRỰC TIẾP	TRANG
	TIÊU CHUẨN CHUNG		
	CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH		
G4-1	Tuyên bố của Lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp	BCTN - Tâm nhìn, sứ mệnh	03
G4-2	Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính	BCTN – Các rủi ro và biện pháp ứng phó	35
	HỒ SƠ TỔ CHỨC		
G4-3	Tên của doanh nghiệp	BCTN - Thông tin chung về công ty	10-15
G4-4	Sản phẩm dịch vụ chính	BCTN - Thông tin chung về công ty	10-15
G4-5	Địa chỉ trụ sở chính	BCTN - Thông tin chung về công ty	10-15
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý	BCTN - Thông tin chung về công ty	10-15
G4-8	Thị trường phục vụ (theo khu vực địa lý)	BCTN - Thông tin chung về công ty	10-15
G4-9	Qui mô của doanh nghiệp	BCTN - Thông tin chung về công ty	10-15
G4-10	Thông kê về lực lượng lao động	BCPTBV - Chính sách đối với người lao động và việc làm bền vững	152-153
G4-11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể	BCPTBV - Chính sách đối với người lao động và việc làm bền vững	155
G4-13	Thay đổi trong quá trình báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, sở hữu và chuỗi cung ứng	BCTN - Thông tin chung về công ty	10-15
	XÁC ĐỊNH RANH GIỚI TRỌNG YẾU		
G4-17	Các đơn vị bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức	BCTN - Các công ty con và công ty liên kết BCPTBV- Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	22-23 130
G4-18	Giải thích quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo; Quy tắc báo cáo doanh nghiệp áp dụng để xây dựng nội dung báo cáo	BCTPBV- Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131
G4-19	Các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131
G4-20	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên trong tổ chức	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo	130-131
G4-21	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo Ranh giới Lĩnh vực bên ngoài tổ chức	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131
G4-23	Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước (về phạm vi và các vấn đề để báo cáo)	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131

HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THAM CHIẾU/TRẢ LỜI TRỰC TIẾP	TRANG
	SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN		
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với doanh nghiệp	BCPTBV - Cam kết với các bên liên quan	136
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định của các bên liên quan	BCPTBV - Cam kết với các bên liên quan	136
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan	BCPTBV - Cam kết với các bên liên quan	136
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của các bên liên quan; doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	BCPTBV - Cam kết với các bên liên quan	136
	HỒ SƠ BÁO CÁO		
G4-28	Giai đoạn báo cáo	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131
G4-30	Chu kỳ báo cáo	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131
G4-31	Địa chỉ liên hệ nếu có Đầu mối liên hệ cho các câu hỏi liên quan đến báo cáo hoặc nội dung của báo cáo	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	137
G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp	BCPTBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131
	QUẢN TRỊ		
G4-34	Sơ đồ bộ máy quản trị bao gồm ban lãnh đạo cấp cao nhất.	BCTN - Mô hình quản trị	20-21
G4-35	Báo cáo quy trình ủy quyền cho các chủ đề về kinh tế, môi trường và xã hội từ cơ quan quản trị cao nhất đến các Giám đốc điều hành cấp cao và các nhân viên khác	BCPTBV - Sơ đồ tổ chức EMS	132-135
G4-36	Báo cáo số liệu tổ chức đã chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội hay không và những người nắm giữ các vị trí đó có báo cáo trực tiếp cho các cơ quan quản trị cao nhất hay không	BCPTBV - Sơ đồ tổ chức đại diện lãnh đạo	132-135



HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THAM CHIẾU/TRẢ LỜI TRỰC TIẾP	TRANG
G4-37	Báo cáo quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, xã hội, môi trường. Nếu việc tham vấn được ủy quyền thì mô tả người được ủy quyền là ai và bất kỳ quy trình phản hồi cho cơ quan quản trị cao nhất	BCTN - Sơ đồ tổ chức	24-25
G4-38	Báo cáo thành phần của cơ quan cao nhất và các ủy ban của cơ quan này	BCTN - Tổ chức và nhân sự	26-33
G4-39	Báo cáo Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải là Giám đốc điều hành hay không	BCTN - Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	05
G4-45	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội Báo cáo hoạt động tham vấn của các bên liên quan có được sự dụng để hỗ trợ việc xác định và quản trị các tác động rủi ro và cơ hội về kinh, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất hay không	BCTN - Các rủi ro và biện pháp ứng phó	35
		BCTN - Các Tiểu ban thuộc HĐQT	69
G4-48	Báo cáo ủy ban hoặc người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các lĩnh vực trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo	BCTN - Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	05
	ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC		
G4-56	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức	BCTN - Giá trị cốt lõi	03
	DANH MỤC KINH TẾ		
	HIỆU QUẢ KINH TẾ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	BCTN - Sức mệnh	03
EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ phục vụ cho lợi ích nhà đầu tư	BCTPBV - Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	130-131

HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THAM CHIẾU/TRẢ LỜI TRỰC TIẾP	TRANG
	DANH MỤC MÔI TRƯỜNG		
	NĂNG LƯỢNG- NƯỚC		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCTPBV - Cam kết về chính sách môi trường	137
EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	BCTPBV - Kết quả hoạt động trong năm	138-139
EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng	BCTPBV - Kết quả hoạt động trong năm	138-139
EN7	Cắt giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm dịch vụ	BCTPBV - Tiết giảm năng lượng điện, nước	139-140
	NƯỚC		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCTPBV - Tiết kiệm nước	139
EN8	Tổng lượng nước khai thác phân loại theo nguồn	BCTPBV - Tiết kiệm nước	139-140
EN10	Phân trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng	BCTPBV - Tiết kiệm nước	139-140
	NƯỚC THẢI - CHẤT THẢI		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCTPBV - Kết quả hoạt động trong năm	140
EN23	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	BCTPBV - Xử lý nước thải - xử lý chất thải	140
EN24	Tổng số lượng các vụ tràn chất thải và khối lượng tràn	BCTPBV - Xử lý chất thải	140
	TUÂN THỦ		
EN29	Tổng số tiền phạt và số lần bị phạt (phi tài chính) do không tuân thủ quy định về môi trường và pháp luật	BCTPBV - Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm	151
	TỔNG THỂ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCTPBV - Báo cáo về môi trường	141
EN31	Tổng chi phí đầu tư cho môi trường theo từng loại	BCTPBV - Báo cáo về môi trường	144
	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG CẤP		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCTPBV - Môi trường làm việc	141
EN32	Tỷ lệ phần trăm các NCC mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	BCTPBV - Môi trường làm việc	141-144
EN33	Các tác động môi trường tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai	BCTPBV- Môi trường làm việc	

HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THAM CHIẾU/TRẢ LỜI TRỰC TIẾP	TRANG
	DANH MỤC XÃ HỘI		
	ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG		
	VIỆC LÀM		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCPTBV - Chính sách đối với người lao động và việc làm bền vững	152
LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ thôi việc phân loại theo độ tuổi, giới tính và khu vực	BCPTBV - Chính sách đối với người lao động và việc làm bền vững	152
LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi và khu vực	BCPTBV - Chính sách lương thưởng và các chế độ phúc lợi	155
	AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
LA8	Các chủ đề về an toàn và sức khỏe được nêu trong các thỏa thuận chính thức với công đoàn	BCPTBV - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	156
	ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCPTBV - Chính sách đào tạo	156
LA9	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên theo giới tính và theo danh mục người lao động	BCPTBV - Chính sách đào tạo	156-157
LA10	Các chương trình quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động	BCPTBV - Chính sách đào tạo	156-157
	SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG VỚI NHAU		
LA 12	Thành phần các cơ quan quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	BCPTBV - Bảng thống kê và phân bổ lao động toàn công ty	152
	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
S01	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	BCPTBV - Báo cáo về hoạt động xã hội	159





HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THAM CHIẾU/TRẢ LỜI TRỰC TIẾP	TRANG
	TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM		
	AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCPTBV - Trách nhiệm đối với sản phẩm	148
PR1	Tỷ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ trọng yếu được đánh giá tác động và an toàn sức khỏe	BCPTBV - Bảng chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm	151
PR2	Dán nhãn sản phẩm và dịch vụ	BCPTBV - Cung cấp thông tin về sản phẩm đầy đủ và trung thực	17-19
PR3	Loại thông tin về sản phẩm và dịch vụ theo yêu cầu quy trình và tỷ lệ phần trăm của các sản phẩm và dịch vụ đáng kể phụ thuộc và yêu cầu thông tin trên	BCTN - Ngành nghề kinh doanh địa bàn hoạt động	
PR4	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhãn, phân loại kết quả	BCPTBV - Bảng chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm	151
	TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCTN - Sứ mệnh	03
PR6	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp	BCPTBV - Bảng chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm	151
PR7	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ theo loại kết quả	BCPTBV - Bảng chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm	151
PR8	Tổng số vụ có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng	BCPTBV - Bảng chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm	151
	TUÂN THỦ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận chung	BCPTBV - Trách nhiệm đối với sản phẩm	148
PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng sản phẩm dịch vụ	BCPTBV - Bảng chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm	151

DỰ ÁN NHÀ MÁY BÌNH MINH LONG AN TẠI LONG AN

Trong năm 2015, Công ty đã triển khai
hoàn tất dự án Nhà máy Bình Minh Long An
giai đoạn 1 trị giá hơn

144 tỷ,

với tổng diện tích xây dựng

32.400 m²,

đầu tư thiết bị đạt công suất

5.000 tấn

sản phẩm phụ tùng/năm.





NHỰA BÌNH MINH®

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang - Phường 9 - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84) 8 3969 0973 - Fax: (84) 8 3960 6814

www.binhminhplastic.com